Năm thứ nhất. — Số 22 Thứ sáu, 7 Novembre 1941

TRI TÂN

TẠP - CHÍ VĂN - HÓA RA HẰNG TUẦN

TRONG SỐ NÀY :

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ (IV) *Ứng-Hoè Nguyễn-văn-Tố*
Học-xá Đông-dương *T. T.*
Nhìn qua cái học của một số thanh-niên đã từng xuất dương du-học *Phạm Mạnh-Phan*
Cuộc giao-thiệp giữa nước Nam và mấy nước láng-giềng từ thế-kỷ XVII đến thế-kỷ XIX *Từ-Ngọc*
Dẫn-giải và chú-thích bài văn tế Võ-Tính và Ngô Tòng-Chu *Nhật-Nham*
Nhanh trí khôn *Tiên-Đàm*
Những người Pháp công thần nhà Nguyễn (III) *Nguyễn Triệu*
Nhân việc Chính-phủ đang sửa-soạn một chương-trình thể-dục toàn-quốc... *Hoa-Nam Phan Kỳ-Nông*
Huyền-Trân công-chúa (I) *Nguyễn Đan-Tâm*
Đường xe lửa qua sa-mạc Sahara *Nhật-Nham*
Việt-nam văn-học sử (XI) *Hoa-Bằng*
và nhiều bài khác nữa

REVUE CULTURELLE HEBDOMADAIRE

Giá báo: 1 năm 6$80 – 6 tháng 3$50 – 3 tháng 1$80

Mỗi số 15 xu

TÒA BÁO ở số nhà 195, phố Hàng Bông — Hanoi

Học-xá Đông-dương

Ở Trung-hoa xưa, về việc học, có nhà *Tường* và nhà *Tự*, tại đó, xuân hạ, dạy lễ nhạc; thu đông, dạy thi thư.

Khi phác vạch những kế-hoạch để mong giúp Lương Huệ-vương, ông Mạnh-Kha nói ngay đến việc «*cẩn Tường. Tự chi giáo*».

Theo chế-độ phong-kiến của Tàu, nhà học của thiên-tử, gọi là *Bích-ung*; nhà học của các vua chư-hầu, gọi là *Phán-cung*.

Do điển-tích ấy, trong chữ nho có những tiếng thành-ngữ chỉ về những ai được hân-hạnh học trong Phán-cung: «*Du Phán*» (bơi lươn trong Phán-thủy) hoặc «*thái cần*» (hái rau cần) (1).

Nước ta, năm Bính-thìn, Anh-võ-chiêu-thắng nguyên-niên (1076) vua Lý Nhân-Tông (1072-1127) thiết-lập Quốc-tử-giám, lựa trong bọn văn-thần lấy những tay có văn-học sung bổ vào trong giám ấy (2).

Qua tháng hai năm Qúy-mão, niên-hiệu Thiên-ứng-chính-bình thứ 12 (1243) đời vua Trần Thái-Tông (1225-1258), Quốc-tử giám ấy được trung-tu lại (3)

Nhà Trần chẳng những chú-trọng đến Quốc-tử-giám, mà lại tổ-chức cả Quốc-tử-viện nữa: Tháng 10, năm Thiên-ứng-chính-bình thứ 5 (1236), vua Trần Thái-Tông cử Phạm Ứng-Thần làm Thượng-thư coi Quốc-tử-viện và cho con em các văn-thần vào đó học-tập (4).

Chế-độ Quốc-tử-học và Quốc-tử-giám này, người Tàu đã làm trước ta. Vì, theo sử tàu chép, thì Tấn Võ-Đế đã lập ra Quốc-tử-học để ưu-đãi sĩ thứ. Đến đời Tùy thì đổi tên lại, gọi là Quốc-tử-giám

Nhà học đời xưa tuy mỗi thời theo một chế-độ khác và tên đặt khác, nhưng sự thực thì, từ Tường, Tự đến Quốc-tử-giám chỉ là những chỗ nuôi dưỡng học-sinh, gây dựng nhân-tài.

◆

Từ khi ta theo tân-học, học-sinh Đông-dương được hưởng-thụ một nền giáo-dục mới theo văn-hóa Âu-tây.

Năm 1917, Chính-phủ Đông-dương đã lập ra trường Đông-dương Cao-đẳng. Nhờ cái lò hun đúc nhân-tài này, nhiều người đã tốt-nghiệp về các ban như hành-chính, sư-phạm, y-nghiệp, thương-mại và nông lâm...

Bây giờ, ở Đại-học-đường, Hanoi, các sinh-viên ở mấy ban như luật học, y học chẳng hạn có thể cứ theo học ở bên này mà thi lấy bằng cử-nhân hay bác-sĩ được.

Số sinh-viên trường Đại-học bây giờ kể cả năm xứ trong Đông-dương đã được gần 800: một con số đáng mừng.

Đối với các sinh-viên trong khi tòng-học ở trường Đại-học Hà-nội, không phải chỉ chăm lo về mặt trí-thức và tinh-thần cho họ mà đã gọi là đủ đâu, Chính-phủ cũng vẫn nghĩ đến cho họ cả về sinh hoạt vật chất, về điều kiện làm việc và cư-trú để họ có đủ mọi điều tiện lợi mà yên tâm theo đuổi việc học.

Vì vậy, từ lâu, Chính-phủ vẫn dự-định lập một khu Đông-dương học-xá. Ấy cũng như, tại bên Pháp, đã có khu học-xá Đông-dương cho các du-học-sinh ta rồi.

Thì-giờ đã đến. Quan Toàn-quyền Decoux phen này quyết làm thực-hiện việc lập học-xá cho các sinh-viên trong năm xứ liên-bang.

Về việc này, Tri-Tân số 20, trang 23, đã nói sơ trong mục «tin-tức». Nay xin thuyết-minh để giúp cho những ai muốn biết rõ thêm.

Khu học-xá Đông-dương này sẽ lập tại địa-phận Bạch-mai, gần nhà thương R.Robin (Vọng), sẽ là một công-cuộc lớn-lao hệ-trọng, sẽ là nơi ngưng-tụ tinh-hoa và trí-thức của đất nước.

Trong khu học-xá sẽ chia ra làm nhiều căn nhà. Sự xếp-đặt sẽ theo bản-sắc của từng xứ một. Ví-dụ chỗ nhà cho các sinh-viên Cao-miên ở thì có màu-sắc Cao-miên, Lào, Trung, Nam, Bắc-kỳ cũng vậy. Có tủ sách để nuôi tinh-thần, có phòng làm việc để theo đuổi con đường tu-tiến, có nơi nhóm-họp để trao-đổi ý-kiến, có sân vận-động để luyện-tập thân-thể.. Nói tóm, khu học xa Đông-dương này sẽ giúp cho nam nữ sinh-viên được thuận-tiện mọi bề: từ ăm, thực, cư-trú đến trí, thể, đức-dục.

Ủy-ban sáng-lập ra khu học-xá Đông-dương, do bà Decoux đứng đầu, gồm có các nhà tai mắt Pháp, Nam, đã họp để bàn phương-pháp tiến-hành, chiều hôm 16 Octobre 1941.

Một khi khu học-xá Đông-dương được thực-hiện, thì các sinh-viên sẽ được vui-vẻ an cư mà tu nghiệp, tiến đức; cha mẹ của học-sinh sẽ đỡ được mối lo về việc gửi con trọ học gặp phải nhiều nỗi khó-khăn hoặc ăn-ở không tiện, hoặc hoàn-cảnh không tốt.. Mà về phần Chính-phủ cũng được thỏa-mãn vì đã làm ám-hợp cái thiện-chính của Lý, Trần: trọng việc học, vui dưỡng-dục anh-tài.

Việc là việc ích chung. Các nhà hằng sản, hằng tâm chắc ai cũng vui lòng giúp một tay vào công-cuộc trọng-đại ấy.

T.-T.

---

(1) Trong Kinh Thi có câu: «Tư lạc Phán thủy, ngôn thái kỳ cần». Hai chữ «thái cần» chính là xuất xứ ở đấy.

(2) Coi Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục quyển III tờ 38a.

(3) Coi Khâm-định Việt-sử quyển VI, tờ 25a.

(4) Coi Khâm-định Việt-sử quyển VI, tờ 16a.

Trước cuộc tiến-hóa của đất nước

Nhìn qua cái học của một số đông thanh-niên đã từng xuất-dương du học

PHẠM MẠNH-PHAN

Vì sự tình-cờ của lịch-sử, người Nam chúng ta được làm quen với tư-tưởng của người Âu, kể tới nay đã trên nửa thế-kỷ.

Chúng ta vẫn thẳng-thắn nhận rằng, ngoài sự khai-hóa, món quà trí-thức của nước Pháp đem tới cho chúng ta là một ơn không bao giờ quên được.

Hạng người được nhận món quà có một cách đầy-đủ cố-nhiên là những thanh-niên tân-học, hơn nữa, là những người đã từng qua Pháp du học và đã từng luyện trí, óc trong những giảng đài đồ-sộ nguy-nga.

Trong số các thanh-niên được may-mắn du-học kể có tới hàng nghìn trong mấy chục năm trời. Nay vì chiến tranh ngang trở, cuộc Pháp du của các thanh-niên đất nước bị tạm ngừng.

Từ trước tới nay chúng ta có thể tự hào rằng, ở Pháp quốc, trong sự đua trí, ganh tài với các thanh-niên thế-giới, thanh-niên ta đã từng làm vẻ-vang cho người đồng-chủng. Không một trường cao-cấp nào là không có bóng người Nam, không một mảnh bằng khó-khăn nào là thanh-niên ta chịu lùi bước.

Những kết quả vẻ vang đó thật không phụ công Mẫu-quốc đã từng tốn công dìu dắt các du-học-sinh một cách ân cần niềm nở

Ở nước ta, nay sự học càng ngày càng mở rộng. Trường Cao đẳng khi trước vừa đổi tên là « Đại-học-đường ». Ban luật và các ban khoa-học khác đều đã có ban dạy tới tiến-sĩ. Hơn nữa Đông-dương học xá (cité universitaire) đang vào thời kỳ cổ-động và chẳng bao lâu sẽ thấy ánh sáng mặt trời.

Vì những lẽ đó, từ nay các thanh-niên chúng ta có thể theo các bậc đại-học tại đất nước nhà và số du-học-sinh có thể giảm một phần lớn.

Những du-học-sinh có bằng cao-cấp đã từng về nước không phải là ít. Chúng ta hãy tạm tính sổ xem, những bạn đó sau khi thành tài có phụ công chăm nom của Pháp-quốc và những kỳ-vọng của người nước không. Rồi chúng ta lần dò dư-luận đối với các bạn đó có còn nồng-nàn tha-thiết như những ngày qua?

●

Thường khi, nhìn khói nước trà nóng tỏa trên đầu câu chuyện, chúng tôi đã từng được nghe những lời bàn tán về các bạn du-học-sinh. Lời hoan-lạc cổ võ cũng có, mà giọng chê-bai ngờ vực chẳng phải là không.

— Họ đã làm được những gì cho cuộc tiến-hóa của đất nước? Có người đã băn-khoăn tự hỏi.

— Làm được gì? Thì các bạn hãy nhìn qua các ngành trong xã-hội. Những du-học-sinh khi thành tài phần nhiều là những người lỗi-lạc!

Bao công ăn học, bao trí thông minh, một số đông trong bọn họ đã dùng để sống một cách ích-kỷ trong vũng ao tù trưởng-giả, xuốt tháng, quanh năm, mục-đích cao xa chỉ cốt ô-to, nhà lầu mà để cho óc thông-minh khi xưa vì lười biếng thành hoen rỉ, vô dụng!

Nào đã ai chịu đem tài riêng, tháng ngày cặm cụi mà phát-minh ra những điều làm vẻ vang và chấn động y-giới hoặc kỹ-nghệ giới? Chúng ta đã chẳng từng có những ông kỹ-sư đó đó? Thì các bạn hãy bảo giùm những mỏ than, mỏ thiếc hay mỏ vàng do các ông kỹ-sư người Nam tìm được.

Phòng thăm bệnh của các bác-sĩ như đã thấy nhiều nhiều. Nhưng nào ai đã chịu giầu lòng hi-sinh, biết nghĩ tới dân nghèo, lấy răm ba hào một kỳ xem bệnh để nâng đỡ những người đồng-chủng, vì tiền tài eo hẹp, không được làm quen với y-học thái-tây mà tránh khỏi những mánh lới xảo quyệt của tụi lăng băng?

Trong kỹ-nghệ giới, vì sự giao thông khó khăn, các sản-vật cần dùng trước vẫn trông ở nước ngoài cung cấp nay thấy thiếu thốn nhiều. Ai là người đem tài học ra ứng dụng mà bù đắp vào chỗ thiếu-thốn đó? Nào đâu những ông kỹ-sư bác-vật, nào đâu những bực kỳ tài khi trước đã từng lừng danh trong các mùa khoa-cử ở nước ngoài?

Nhìn lại nền văn-hóa Việt-nam, chúng ta lấy làm buồn-tẻ khi thấy nó có vẻ một buổi chợ chiều! Các bạn sẽ luống-cuống nếu một người nào hỏi các bạn tìm giùm

một cuốn sách có giá-trị về văn-học, triết-học hay sử-ký viết bằng tiếng nam do những ông cử, thạc-sĩ hay các ông nghè đã từng du-học viết ra.

Có chăng các bạn sẽ chỉ thấy một vài quyển thuộc hạng « văn chơi »

Thứ văn chơi đó chẳng ích gì cho nền văn-học nước ngoài mà cũng chẳng lợi chi cho nền học-thuật nước nhà,

◆

Cái dư-luận nhuốm vẻ bi-quan và đầy lời khe-khắt mà chúng tôi vừa thuật trên đây xin nhường để các bạn đọc bình tâm xét đoán.

Nhưng chúng tôi tự hỏi, tại đâu một số đông các bạn thanh-niên đã từng du-học lại gây nên một dư-luận như thế giữa xã-hội Việt-nam hiện-thời nó làm mất tín-nhiệm những người nhiệt-tâm với cuộc tiến-hóa của đất nước, nó làm nản lòng những người đã từng nồng-nàn cổ-võ họ khi xưa ?

Phải chăng tại có một số người đã giầu lòng kiêu-căng một khi thành tài, tưởng mình như thánh, như thần, tài-ba lỗi-lạc, nhìn đời bằng con mắt rẻ khinh ? Ai ai, họ cũng không thèm nói với, tuông như xã-hội nay chỉ có họ là đáng mến-phục ?

Những trang thanh-niên đó thật đã từng du-học nơi hải-ngoại, đã từng hút thở không-khí quáng-đại của nước người, đã từng được gặp những vị thông-thái nhũn-nhặn. Thế mà trong đầu óc họ còn chứa đầy những tư-tưởng thiển-cận hẹp-hòi đó, thì chúng ta cũng đừng phí lời chỉ-trích họ làm chi !

Họ là những con chiên ghẻ, đã từng làm hại tới thanh-danh của hết thầy các bạn thanh-niên du-học.

Thật vậy, chúng tôi vẫn thành-thực nhận rằng, trong phái đã từng xuất-dương du-học, có một số người trong các giới đã tỏ cho người biết mình có học-thức hơn người, đang làm việc một cách khiêm-tốn, không khoe-khoang, trong những căn phòng hoặc trong các thư-viện. Mục-đích tối-cao của họ là đem cái học đã từng thâu-thái được để hòng giúp ích cho nước, cho nhà. Trước mặt họ, chúng tôi nghiêng mình kính phục.

Nhưng, những người đó không được bao lăm, nên những ảnh-hưởng của các du-học-sinh trong xã-hội nó mong-manh, đơn-sơ, ít-ỏi quá, tuông như chỉ có bề mặt mà kém bề sâu ! Cũng vì đó nên mới có cái dư-luận ngờ-vực trên kia.

●

Các bạn đã từng du-học ! Các bạn hãy gắng bỏ bớt chút lòng tự-ái, mà can-đảm nhìn vào sự thực, một sự thực tẻ ngắt chẳng đủ làm ấm-áp lòng các bạn vì cái dư-luận ấy cũng không phải không có căn-cứ.

Các bạn đã thừa biết hơn người viết mấy giòng này : một khi thành tài, mục-đích cốt-yếu của các bạn không phải chỉ cốt làm lóe mắt những trang thiếu-nữ thơ-ngây, không phải cốt chỉ để đi chinh-phục những trái tim mơ-mộng, mà còn có bổn-phận phải đem ứng-dụng tài mình trong xã-hội cho có hiệu-quả.

Các bạn đừng làm cho trí thông-minh của các bạn phải mòn-mỏi với tháng ngày và đừng làm người đất nước phải ngờ-vực cái học của các bạn về phương-diện thực-hành. Rồi sau đây, trước cuộc tiến-hóa chung, không ai quên không ghi công các bạn.

PHẠM-MẠNH-PHAN

SÁCH KHẢO - CỨU VỀ PHẬT - HỌC

Trong năm nay, nhà soạn sách Phật - học Đoàn - trung - Còn có xuất-bản được bốn quyển sách rất có giá trị. 1·) Chuyện Phật đời xưa kể nhiều đời trước của đức Phật một cách rất thu vị, *giá 1p 00;* 2·) Du lịch xứ Phật thuật chuyện mạo-hiểm của một người nước Anh đến xứ Tây-Tạng, *giá 0p.90*; Pháp-giáo nhà Phật luận giải những vấn-đề siêu việt như Thánh, Thân, linh-hồn, quả báo với những phương pháp thoát khổ, *giá 1p 10*; 4) Na-Tiên Tì kheo kinh tức là sự luận đạo giữa vua Di-lan-đà với nhà sư Na-Tiên, *giá 0p 80.* Mấy quyển ấy khảo-cứu theo kinh xưa điển cổ gốc chữ Phạn và chữ Ba-lị. Giáo-chánh rất kỹ. Qui ngài gởi mandat mua sách xin phụ thêm mười phần trăm làm cước phí. Cũng gởi lãnh hóa giao ngân. Có ít nhà đại-lý tại Hanoi, Huế, Phnompenh.

Thơ-từ : M. Đoàn-Trung-Còn
143, Rue de Louvain, Saigon

Ô - tô, nhà lầu, vợ đẹp, con khôn, tiền của nhiều...

Đó là cái mộng tưởng của hầu khắp mọi người.

Muốn có cơ dễ đạt cái mộng tưởng ấy, chỉ có một cách

Mua vé số

ĐÔNG - PHÁP

1$00 một vé

Một trang lịch-sử hiển-hách của người mình

Cuộc giao-thiệp giữa người Nam và mấy nước láng-giềng từ thế-kỷ thứ 17 đến thế-kỷ thứ 19

TỪ - NGỌC

PHẦN đông người mình chỉ nhớ đến cuộc nội-thuộc nước Tàu và để ý đến tình-hình hiện-tại, nên ít người ngờ rằng : dân-tộc Việt-nam đã là một dân tộc đi chinh-phục nước khác và đã đặt nền bảo-hộ ở một vài nước láng-giềng. Vả lại, cũng rất ít người nghĩ đến rằng : ròng rã trong hai thế-kỷ, cái nước Thái-lan danh-giá ngày nay đã phải e-dè sợ-sệt người mình, và quân Xiêm đã nhiều lần bị quân Việt-nam đánh đuổi một cách hùng-dũng.

Muốn nhắc lại cho anh em thiếu-niên nhớ đến đoạn lịch-sử vẻ-vang ấy của tổ-tiên ta, chúng tôi đã thu-tập ít nhiều tài-liệu để viết mấy trang này. Mong rằng các bậc thức-giả trong nước sẽ viết nhiều và nói rộng về vấn-đề này nữa, để người mình biết quí-trọng tổ-tiên và tự-trọng, tự-cường.

Trong bài này, chúng tôi không nói đến cuộc Nam-tiến mãnh-liệt của người mình đã từ bắc - bộ Trung-kỳ kéo xuống đất Nam-kỳ ngày nay và làm tiêu-diệt một dân-tộc có một nền văn-minh sán-lạn là dân-tộc Chiêm-thành. Chỉ xin nhắc lại rằng : bắt đầu từ thế-kỷ thứ 10 người Việt-nam đã chiếm tỉnh Quảng-bình ngày nay, mà năm 1697 thì đến tỉnh Bình-thuận bây giờ. Trong bảy thế-kỷ, dần dần như tằm ăn lá dâu, người mình đã làm tan cả một dân-tộc.

Nhưng, trước khi lấn-át hết nước Chiêm-thành, người mình đã dòm-rỏ sang nước Chân-lạp, tức là nước Cao-mên ngày nay, hồi ấy còn lan đến đất Nam-kỳ bây giờ. Vì phía nam xứ Trung-kỳ ngày nay, lúc bấy giờ không thể trồng-trọt dễ-dàng nên người Việt-nam từ đầu thế-kỷ thứ 17 đã chen vào ở giữa bình-nguyên Prey-kôr (tức là phía đông Nam-kỳ bây giờ) (1).

Năm 1620, vua Chân-lạp là Chey-Chettha II thấy con gái chúa Nguyễn Sãi-vương là một trang tuyệt-sắc giai-nhân, xin cưới về làm hoàng-hậu. Từ bấy, bắt đầu cuộc giao-thiệp của hai nước mà phần lợi hẳn là về người mình.

Năm 1623, người Tiêm-la (Xiêm) từ phía tây tràn vào Chân-lạp. Chúa Nguyễn cho quân ta sang đánh giúp, đuổi được người Tiêm ra ngoài bờ-cõi. Nhờ thế, Sãi-vương mới xin cho người Nam được vào cầy cấy và buôn bán ở miền Prey-kôr, nhưng phải đóng thuế cho vua Chân-lạp. Đó là bước đầu cuộc xâm-chiếm của người mình !

Năm 1658, vua Chân-lạp Âng-Chan II (là con Chey-Chettha II với một người vợ Lào) không những là một bạo-chúa, mà lại còn là một kẻ bội-giáo, theo đạo Hồi của người Chiêm-thành, lấy một người vợ Mã-lai, rồi cho người hai giống này đến ở đông trong nước, nên hai người cháu gọi Chey-Chettha II bằng chú nổi lên phản-nghịch ; nhưng vì hai người này bị thua, phải đến nương nhờ bà hoàng-thái-hậu người Việt-nam là vợ góa của Chey-Chettha II. Bà này khuyên họ nên cầu-cứu đến chúa Nguyễn. Vì thế, chúa Hiền-vương mới cho 3 000 quân sang thành Oudong bắt sống Âng-Chan II và đuổi bọn người Chiêm-thành và Mã-lai ra khỏi bờ-cõi. Vua Âng-Chan II phải giam ở Quảng - bình, rồi sau được tha, nhưng phải triều-cống chúa Nguyễn.

Năm 1674, trong nước Chân-lạp lại có nội-loạn : một ông hoàng Chân-lạp là Âng-Non II (sử ta gọi là Nặc-ông-Non) sang cầu-cứu chúa Nguyễn ở dinh Thái-khang (nay thuộc địa - phận Khánh - hòa) về đánh vua Âng-Chey (Nặc-ông-Đài). Hiền-vương sai hai ông Nguyễn-dương-Lâm và Nguyễn-đình-Phái đem quân sang đánh giúp Âng-Non ; Âng-Chey phải bỏ thành chạy, chết ở trong rừng, Âng-Non II được làm vua ở Oudong.

Nhưng năm 1675, em Âng-Chey là Âng-Saur (Nặc-ông-Thu) nhờ có người Tiêm-la giúp, đánh đuổi Âng-Non II, rồi lên ngôi, lấy hiệu là Chey-Chettha IV. Vì thấy Âng-Saur là dòng trưởng, nên chúa Nguyễn cho y làm vua ở Oudong, nhưng bắt nhường Thủy Chân-lạp (Nam-kỳ) cho Âng-Non II làm đệ-nhị quốc-vương và đóng đô ở Sài-côn (Sài-gòn).

Năm 1679, nhân có mấy vị quan nhà Minh ở Quảng-tây là Dương Ngạn-Địch, Trần Thượng-Xuyên, Hoàng-Tiến, Trần An-Bình vì không muốn thần-phục nhà Thanh, đem 3.000 quân và 50 chiếc thuyền sang xin nhập tịch dân Nam, Hiền-vương liền cho họ vào lập-nghiệp ở đất Đông-phố (Gia-định) và Đồng-nai (Biên-hòa).

Năm 1688, Hoàng-Tiến là phó tướng của Dương Ngạn-Địch nổi lên đánh chủ để cướp quyền. Chúa Ngãi - vương sai quân vào giết Hoàng-Tiến, rồi nhân tiện bắt Chey-Chettha IV phải triều-cống.

Năm 1698, chúa Minh-vương đặt chức Kinh-lược ở Thủy Chân-lạp, chia đất Đông-phố và đất Đồng-nai ra làm dinh, làm huyện, rồi sai quan vào cai-trị và cho người Nam vào khai khẩn.

Năm 1699, Chey-Chettha IV dấy binh chống với quân Nam. Minh-vương sai quan Nguyễn-hữu-Kính đem quân sang đánh. Chey-Chettha IV thua, phải bỏ thành chạy ; sau về hàng và xin triều cống như cũ.

Vì Âng-Non II đã thác từ năm 1691, Chey-Chettha IV phong cho

con Âng-Non II là Âng-Êm (Nặc-ông-Yêm) làm quan và lại cho làm phò-mã nữa.

Nam 1700, Chey - Chettha IV nhường ngôi cho phò-mã, để đi tu. Nhưng năm sau, lại về trị-vì. Đến năm 1702, lại nhường ngôi cho con trưởng là Thommo (Nặc-ông-Thâm).

Năm 1705, Thommo nghi cho Âng-Êm chủ tâm làm phản, bèn cất quân đánh và nhờ quân Tiêm-la sang giúp. Âng-Êm thua, phải sang cầu cứu chúa Nguyễn. Minh-vương sai ông Nguyễn-cửu-Vân sang giúp. Quân ta đánh tan được quân Tiêm-la, đuổi Thommo sang Xiêm, rồi cho Âng-Êm về làm vua ở thành Lôvek (La-bích).

Năm 1714, Thommo lại về đánh Âng-Êm, lấy thành Lôvek. Âng-Êm lại sang cầu-cứu chúa Nguyễn. Ông Trần-thượng-Xuyên, đô-đốc Phiên-trấn (Gia-định) và ông Nguyễn-cửu-Phú, phó - tướng Trấn - biên (Biên-hòa), được lệnh sang đánh giúp. Thommo lại bị thua và một lần nữa lại trốn sang Tiêm-la. Âng-Êm lại nhờ người Nam mà giữ được ngôi báu.

Năm 1731, một người Lào điên-rồ xui dân Chân-lạp sát-hại người nước Nam. Chúa Minh-vương tức-giận, liền chiếm đất Định-tường (Mỹ-tho) và đất Long-hồ (Vĩnh-long).

Năm 1736, Âng-Êm mất ; con là Sothéa (Nặc-ông-Tha) lên nối ngôi.

Năm 1748, Thommo lại ở Tiêm-la về, đánh đuổi Sothéa và cướp ngôi vua. Nhưng chẳng bao lâu, Thommo mất.

Vì mấy người con của Thommo tranh nhau, chúa Võ-vương sai ông Nguyễn-hữu-Doãn sang đánh họ và lại lập Sothéa làm vua.

Được vài tháng, Sothéa bị người con thứ hai của Thommo là Ang-Snguôn (Nặc-Nguyên) đem quân Tiêm-la về đánh đuổi đi, Sothéa chạy sang Gia-định cầu cứu, nhưng mất ở đấy.

Vì Âng-Snguôn giao thiệp với chúa Trịnh ở ngoài Bắc để lập mưu đánh chúa Nguyễn, chúa Võ vương sai ông Nguyễn cư Trinh sang đánh Âng Snguôn.

Âng Snguôn thua, phải bỏ thành chạy sang Hà tiên, nhờ con Mạc Cửu là Mạc Thiên Tứ. Muốn tạ tội với chúa Nguyễn, Âng Snguôn xin dâng hai phủ Tầm bôn và Lôi lạp (?).

Khi Âng-Snguôn mất, trong hoàng tộc lại tranh giành nhau. Võ-vương liền sai ông Trương-phúc-Du sang giúp ông hoàng Outey II (Nặc-Tôn) đánh đuổi các ông hoàng khác. Outey II lên làm vua, dâng cho chúa Nguyễn những đất bây giờ thuộc về các tỉnh Sa-đéc, Châu-đốc Trà-vinh, Sốc-trăng.

Từ năm 1760, đất Thủy-Chân-lạp thuộc về địa-phận Nam-kỳ ngày nay đã về tay người Nam mình cả.

Năm 1771, vua Tiêm-la là Trịnh-quốc-Anh (người Tàu) đem binh thuyền sang đánh Hà-tiên Mạc-thiên Tứ thua, phải chạy về Châu-đốc. Chúa Huê-vương liền sai ông Nguyễn cửu-Đàm đem quân sang thành Nam vinh (Nam-vang) đánh quân Tiêm-la. Quân Tiêm-la thua, phải bỏ chạy.

Song bắt đầu từ năm 1772, chúa Nguyễn phải đánh nhau với Tây-sơn, không thể trông-nom đến Chân-lạp được. Cho nên người Tiêm-la nhân cơ-hội ấy, lần lần chiếm nhiều đất-đai của Chân-lạp. Thế-lực của Tiêm-la ngày một to, đến nỗi khi Nguyễn-vương Phúc-Ánh bị Tây-sơn đánh thua ở Sài-côn, phải sai ông Chu-Văn-Tiếp sang nước họ để cầu cứu, rồi lại thân sang tận Bangkok (Vọng-các) để xin binh cứu-viện.

Nhưng, khi tướng Tiêm-la đem 300 chiếc thuyền và 2 vạn quân sang giúp Nguyễn - vương, ông Nguyễn-Huệ đánh cho một trận kinh-hồn ở Rạch-gầm và Xoài-mút (gần Mỹ-tho) : hai vạn quân Tiêm-la tan nát, chỉ còn vài nghìn người cắm cổ mà chạy lấy thân (1785) !

Năm 1807, vua Chân-lạp là Âng-Chan III (Nặc-ông-Chân) thấy vua Gia-long đã thu-phục được giang-sơn của chúa Nguyễn và thống-nhất cả Bắc, Nam, liền không chịu thần-phục vua Tiêm-la nữa và xin triều-cống hoàng-đế Việt-nam. Cứ ba năm một lần, vua Chân-lạp theo lệ cống-tiến những thứ này :

Voi đực cao năm thước.	hai con
Tê-giác.	hai cái
Ngà voi.	hai cái
Sa-nhân. . . .	năm-mươi cân
Đậu-khấu. . .	năm-mươi cân
Hoàng-lạp. . .	năm-mươi cân
Cánh-kiến. . .	năm-mươi cân
Sơn đen.	hai-mươi lọ

Năm 1811, ba người em của Âng-Chan III muốn cướp ngôi của anh, sang nhờ người Tiêm-la bắt anh phải chia đất. Âng-Chan III không nghe, nên bị người Tiêm-la đến đánh phá kinh-đô, phải chạy sang Tân-châu-đạo (Tiền-giang) cầu-cứu dân Việt - nam. Ông Nguyễn-Văn-Nhân, tổng-trấn Gia-định, tâu vua xin can-thiệp. Vua Gia-long cho sứ đưa thư trách chính-phủ Tiêm-la. Vua Tiêm-la sai sứ phúc-thư nói là vì muốn giảng-hòa cho anh em vua Chân-lạp, chứ không có ý xâm-chiếm, vậy triều-đình Việt-nam muốn xử thế nào, Tiêm-la cũng sẽ vâng theo. Cho nên năm 1813, tả-quân Lê-văn-Duyệt được lệnh đem một vạn quân sang đưa Âng-Chan III về thành Oudong, Quân Tiêm-la rút lui nhưng chiếm mấy tỉnh Tonlérepeou, Melouprey, Stung-Treng. Những tỉnh đó, mãi đến năm 1894 và năm 1904, người Xiêm mới trả cho nước Pháp (2).

Từ đấy đến hết triều Gia-long, Chân-lạp vẫn ở dưới quyền người mình. Ông Lê - văn - Duyệt dâng sớ xin xây thành Nam - vinh (Phnom-Penh). Vua Gia-long lại sai tướng - quân Lê-văn-Thụy đóng quân ở ngay thành đó để bảo-hộ cho Chân-lạp.

Từ năm 1815 đến năm 1816, vua Gia-long có nhờ người Chân-lạp đào cái kênh Vĩnh-tế, từ Châu-đốc đến Hà-tiên, chủ-ý muốn để tiện việc chống với người Tiêm-la.

Thấy thế, người Tiêm-la càng căm-giận. Nhưng vì họ sợ thế-lực triều Nguyễn, không dám sinh-sự, chỉ thỉnh-thoảng sang bắt nạt các nước nhỏ ở địa-phận Ai-lao ngày nay mà thôi.

Về thế-kỷ thứ 18, xứ Lào đã chia ra làm bốn nước :

1) Nước Louang-Prabang (sử ta gọi là Nam-chưởng hay Lão-qua) ;

2) Nước Trấn-ninh (nguyên là đất Bồn-man, vì xin nội-thuộc nước ta, nên đổi làm châu Quy-hợp, sau lại đổi ra làm phủ Trấn-ninh) (3) ;

3) nước Vientiane (Viên-chân) ;

4) Nước Bassac (Chàmpasak).

Từ thế-kỷ thứ 17, vua nước Lan-Xâng (sử ta gọi là Vạn-tượng) tên là Souligna Vongsa làm rể vua Lê-Thần-Tông đã nhường cho vua Lê phía đông Trấn - ninh chỗ nào có nhà không sàn và không hiên là thuộc về đất nước Nam. Đến thế kỷ thứ 18, Trấn-ninh không thuộc về nước Lan-Xâng nữa, nhưng vẫn theo lệ triều-cống vua nước Nam.

Năm 1806, vua Vientiane là Chao-Anou (Sử ta gọi là A-Nộ) vừa mới lên ngôi đã xin thần-phục vua Gia-long.

Năm 1826, vua Anou tưởng là Tiêm-la có việc khó-khăn với Anh-cát-lợi, cất ba đạo quân sang đánh nước Tiêm. Nhưng đại-tướng Tiêm-la là Chao-khun-Bodyn đem đại-đội sang phá tan thành Vientiane Anou cầu-cứu vua Minh-mạng.

Triều - đình Huế sai ông Phan-Văn-Thúy sang giúp Anou. Nhưng Anou không lấy lại được nước, phải theo quân ta về Nghệ-An để tìm cách báo-thù.

Năm 1828, Anou họp được một đạo quân Lào, xin cho quân ta đưa về nước. Vua Minh-mạng sai các ông Phan-văn-Thúy, Nguyễn-văn-Xuân và Nguyễn-Khoa-Hào đem 24 con voi và ba nghìn quân đưa Anou về Trấn-ninh. Đến đó, Anou xin tự đem quân Lào về Vientiane, nhưng bị quân Tiêm-la đánh thua, quân-sĩ chết rất nhiều. Anou lại sai người sang nước Nam cầu-cứu, nhưng vua Minh-mạng thấy y là người hay sinh chuyện, không cho người sang cứu nữa. Anou bị thua, chạy trốn sang Trấn-ninh, nhưng quốc-trưởng xứ Xiêng-Khouang là Chao-Noi (Chiêu-nội) bắt lấy, đem nộp cho người Tiêm-la (năm 1831).

Đánh được Anou, quân Tiêm-la lại tràn cả sang nước Nam, vào vùng Quảng-trị. Vua Minh-Mạng sai ông Phạm-văn-Điền đem ba đạo quân ra chống giữ. Ông Phạm-Văn-Điền cho người đem thư sang trách Tiêm-la. Tướng Tiêm-la thấy quân Nam binh hùng tướng mạnh, phải rút quân về.

Vua Minh-Mạng thấy Chao Noi nộp Anou cho Tiêm la, tức lắm, liền cho quân sang bắt Chao Noi về kinh thành Huế để trị tội. Còn đất Trấn-ninh thì sáp nhập vào đất nước Nam (4)

Hồi ấy, một phần lớn đất đai về xứ thượng Ai lao cũng thuộc về Việt Nam cả ; các tỉnh Sầm Nứa (Sam-neua) Trấn - Ninh, Caumon, Savannakhet bấy giờ hồi ấy là của người mình cả. Từ năm 1831, cả nước Luang prabang cũng chịu thần phục vua Việt Nam.

Năm 1833, Lê - văn - Khôi (tức Nguyễn hữu Khôi) khởi nghịch ở Nam kỳ, có cho người sang cầu cứu Tiêm la để chống lại với triều đình Huế. Người Tiêm cho năm đạo quân sang đánh nước ta ; hai đạo ở phía nam (Hà tiên-Châu đốc, An giang) và ba đạo ở phía bắc (Quảng trị, Cammon, Trấn-ninh).

Vua Minh - mạng liền sai ông Trương-Minh-Giảng và ông Nguyễn-Xuân đi tiến-tiễu ở phía nam ; còn việc giữ phía bắc thì giao cho các ông : Phạm-văn-Điền, Lê văn-Thụy và Nguyễn-văn-Xuân.

Ở phía bắc cũng như ở phía nam, quân ta đều đánh tan quân giặc. Trong các trận thủy-chiến cũng như lục-chiến, quân Nam đều đại thắng. Về phía nam, hai ông Trương-minh-Giảng và Nguyễn-Xuân không những đuổi quân Tiêm ra khỏi Nam-kỳ, mà lại còn đuổi họ đến thành Phnom-Penh (Nam-vinh) và Pursat (Phủ-túc) nữa.

Sau cuộc khải - hoàn rực-rỡ ấy, Vua Minh-mạng cho ông Trương-minh-Giảng và ông Lê-Đại-Cương lập đền ở Phnom-Penh để đặt cuộc bảo-hộ Việt-nam trên nước Chân-lạp.

Đến năm 1834, vua Âng-chan III thăng-hà, nhưng không có hoàng-nam. Hai người em là Âng-Êm (Nặc ông Yêm) và Âng-Duông (Nặc-ông-Đôn) lại là những kẻ bội-nghịch, nên ông Trương-minh-Giảng xin với vua Minh-mạng phong cho con gái Âng-Chau III là Âng Mey (Ngọc-vân công-chúa) làm quận-chúa.

Nhưng thực ra quyền - bính ở trong tay Trương-minh-Giảng cả. Nước Chân-lạp từ đó đổi là « Trấn-tây thành ».

Năm 1840, vua Minh - mạng sai ông Lê-văn-Đức sang hợp-lực với ông Trương-Minh-Giảng để cai-trị Chân-lạp. Các việc kinh-tế, thuế-má, đạc-điền, võ-bị, phong - tục, nhất nhất đều theo Việt-nam cả.

Song, quan-lại của ta không có cái kinh-nghiệm của những nhà đi thực-dân, và lại làm nhiều điều những-nhiễu, nên dân-tình rất ai - oán. Thậm-chí lại đầy cả quận - chúa Âng-Mey cùng hoàng-tộc sang Gia-định nữa !

Vì thế, dân Chân - lạp oán - giận, ngầm sai người sang Bangkok (Vọng-các) cầu cứu Tiêm-la và mời ông hoàng Âng-Duông về nước. Lúc bấy giờ Âng-Duông thì ở Bangkok mà Âng-Êm thì ở Huế.

Năm 1841 (tức là Thiệu-trị nguyên niên), tướng Tiêm-la là Chau-khun-Bodyn đem quân sang Oudong để lập Âng-Duông làm vua, nhưng bị quân Việt-nam đánh ở Hà-tiên, ở Châu-đốc và ở ngay Chân-lạp. Tuy vậy, quân Tiêm la vẫn không chịu rút lui.

Hồi ấy, ở trong triều có bọn ông Tạ Quang-Cự thấy ở miền Chân-lạp và miền Nam-kỳ có nhiều giặc-giã mà quan - quân đánh mãi không được, mới tâu vua xin cho quân ta bỏ đất Chân-lạp mà rút về An-giang.

Người Tiêm-la thấy quân Nam đi khỏi, vội - vàng đến chiếm ngay Phnom-Penh.

Về đến An-giang, ông Trương-Minh Giảng buồn-bực vì những việc xảy ra đến nỗi thành bệnh mà mất 1842

Năm 1845 các ông Vũ - văn-Giải Nguyễn-tri-Phương, Doãn-Uẩn, Tôn thất-Nghị lại tiến binh sang Chân-lạp, lấy lại được thành Phnom-Penh Quân Tiêm-la lại một phen thua

Quan ta liền lên đánh thành Ouong nhưng người Tiêm xin hòa.

Tháng một năm 1845, các tướng Việt-nam và Tiêm-la hội - họp ở Popey để định việc giải-binh. Năm 1846, hai nước ký tờ hòa-ước.

Vì Âng-Êm đã mất từ năm 1843 và Âng-Duông đã dâng biểu tạ-tội với Triều-đình Việt-nam, nên năm 1847, vua Thiệu-Trị phong cho Âng-Duông làm Cao-miên quốc-vương và xuống chiếu cho quân ta ở Trấn-tây-thành (Chân - lạp) rút về An-giang cả.

Âng-Duông chính là thân phụ vua Norodom, người đã ký điều - ước với nước Pháp để đặt nước Cao-Mên dưới quyền bảo hộ của người Pháp.

Dưới Triều Tự Đức, vì nhà vua bận đối phó với những việc tầy đình ở ngoài đem tới, nên không còn có thì giờ nghĩ đến việc các nước láng giềng. Cho nên cái hoài bão của những người thức thời, như Nguyễn Trường Tộ tiên sinh, mong cho nước ta « mở mang sang đến phía tây giải núi Trường sơn (5) và mong « cái giang sơn ở hai bên sông Cửu long giang sẽ là nơi cư trú của dân tộc ta » (6) chỉ là một ảo mộng, chỉ là một cái bóng sà phòng rực rỡ trăm màu bị tan trong nháy mắt !

Ngày nay, thấy địa vị của nước Thái lan trên bản đồ của thế giới, thấy cách cư xử nhã nhặn của các cường quốc đối với một nước trước kia đã nhiều lần khuất phục trước những toán quân hùng dũng của ta, không biết có những ai còn hồi tưởng đến cái thời kỳ oanh liệt của tổ tiên ta? Có những ai biết nghiệm cái bài học ấy của lịch sử mà xét đến cuộc sinh tồn của các dân tộc?

TỪ-NGỌC

---

1) Có quyền sử gọi miền ấy là Mô xoài và Đồng nai, tức là Bà rịa và Biên hòa bây giờ. Cũng có quyền sử lại gọi miền ấy là Mũi xôi và Đồng nai. Vậy xin chất chính cùng độc giả.

2) Theo Việt-Nam Sử-lược của Trần-trọng-Kim tiên-sinh, thì khi ấy người Tiêm-la « lưu quân ở lại giữ tỉnh Bắc-tầm-bôn (Battambang), nói rằng để đất ấy phong cho các em Nặc-ông-Chân. Lê-Văn-Duyệt mới viết thơ sang trách nước Tiêm-la về điều ấy, quân Tiêm mới rút về » (V. N. S. L. quyển hạ, trang 162).

3) Từ năm 1479, vua Lê-Thánh-Tông đã sai quân đi đánh Lão qua và Bồn-man và quân ta đã toàn-thắng một cách vẻ-vang.

4) Theo Trần-trọng-Kim tiên-sinh, thì « năm đinh-hợi (1827), người Nam-chưởng (Luang-Prabang) thông với Tiêm-la, rồi cứ đem quân xuống quấy-nhiễu đất Trấn-ninh. Tả-trưởng là Chiêu-Nội xin đem đất Trấn-ninh về nội-thuộc Việt-nam. Vua Thánh-Tôn phong cho Chiêu-Nội làm Trấn-ninh phòng-ngự - sứ, cai - quản cả bảy huyện lại phong cho những thổ-mục làm thổ tri - huyện và thổ huyện-thừa. Chiêu-Nội dâng sổ dân đinh và điền thổ, cả thảy được 3000 suất đinh và 28 sở ruộng » (Việt-Nam Sử-lược, quyển hạ, trang 201).

5) Nguyễn trường Tộ, trang 41.

6) Nguyễn trường Tộ, trang 122.

Ngắm xem nội hóa nước nhà,
đến chè NAM-LỘC mới là thanh hương !

Các quý khách thích uống nước chè
xin hỏi ngay chè **NAM-LỘC**

Bán tại :
Số 5, Phố Phúc-Kiến
HANOI

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ Số 4

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

VII

Cửa bể Hà-lồ

Nước bốn bề, đất một khu,
Nơi Hoằng-hóa, cửa Hà-lồ.
Đỏ hoe hết tóc người đường bể,
Trắng lợp đầy đầu sóng bến đò.
Gió giật cờ tuần Ghềnh dải dện.
Hương tuôn của miếu Núi sườn bò.
Lạ thay bãi có hòn là đá !
Chia nửa ông câu, nửa cái hồ.

Trích ở *Quốc-âm thi-ca tạp-lục*, sách viết bằng chữ nôm của Trường Bác-cổ, số AB 296, tờ 16a. (1)

VIII

Ghềnh Nga

Ngoài ngã tư, trong ngã ba,
Ngang một lạch gọi ghềnh Nga.
Chênh-chênh mấy dịp con cầu trúc.
Sát-sát nghìn tầm cài trệ la.
Ác xuống chợ chiều đen ngỡ mực,
Hồ về cây tối trắng nhường hoa.
Phao tung cảnh mọn công khi ấy,
Tám bức giang thiên một đỉnh già.

Quốc-âm thi ca tạp lục, tờ 16 b.

IX

Nam-công cánh phượng

Đá ấy là xương, cỏ ấy lông,
Giời nam đứng giữa gọi Nam-công.
Klã giai bóng rợp dân muôn dặm,
Dương cánh che phù giời chín trùng.
Lóng-lánh kiền-khôn thế-giới,
Nghênh-ngang xuân hạ thu đông.
Đã nên cảnh vật ngoài điền-dã,
Ngóng cổ trông về đất nổi rồng.

(Quốc-âm thi-ca tạp-lục, tờ 17a)

X

Động Bạch-hạc

Trổ-tạc cao thay bởi thợ giời,
Hang thiêng nuôi được cái con dơi.
Bốn mùa hoa cỏ xuân nhường một,
Muôn dặm yên-hà người thiếu đôi.
Rửa lòng trần, sông leo lẻo,
Che tai thế, khói phơi-phơi.
Cuộc cờ đắp đổi dù Tần Tấn,
Non hãy trơ-trơ nước chẳng dời.

◆

Đỉnh thứu này sao mãi mãi giời (2) ?
Tay thiêng trổ-tạc gọi hang dơi.
Động khua mõ cá không lòng Bụt,
Cửa ngỏ râu tôm xấu mặt giời.
Đá thuở mưa thôi màu ác nhuốm,
Trúc khi tuyết tạnh vẻ beo phơi.
Buồm ai thênh dưới ghềnh mồ-nẹt?
Chợt mảng kênh đưa tếch tới nơi.

(Quốc-âm thi-ca tạp-lục tờ 15 a-b)

XI

Gái quá thì (3)

Ngán nỗi nỗi con, biết chăng, hỡi mẹ? Tình với tình, nghĩ những khóc thầm ; thế thôi thế, lặng mà nói sẽ.

Xôn-xao oanh yến kẻ bắc người nam, ánh ỏi ong ve kẻ già người trẻ Năm chờ thảng đợi, tơ Nguyệt lão mong se ; rầy ước mai ao, bóng Hằng-nga muộn xế. Nghĩ rằng xuân-xanh có một, liễu yếu không hai ; chẳng thấy chữ «đào-yêu» đâu mà liệu, ắt đến câu «mai-phiếu» hẳn kia rồi. Cái hồng-nhan chi mấy ở đời, nghĩ lại chẳng chơi cũng thiệt, con bạch-thỏ chẳng ăn được bóng, đành duyên đằm-thắm mà thôi ! Tạo-hóa kia sao khéo hững-hờ, đông-phong ấy vì ai ngăn đón ?

Hỡi chị em ơi ! . . . Đêm năm canh vuốt bụng thở dài, ngại đường gia thất ; ngày sáu khắc than thân rằng bạc, ngán nỗi chồng con. Tính đốt ngón tay đã trót ba vòng, tuổi ấy hãy còn chưa gặp ; đo bóng đất hầu gần năm thước, thân này ai bảo chẳng khôn ?

Lễ nghi gia giận sao phận bạc thi nghi gia thẹn với lòng son ; nỗi nước non những giận lương nhân, trông mà chẳng thấy ; đường giăng gió luống chờ quân tử, nghĩ lại rằng buồn ! Phỏng gặp người nho sĩ là may, số tôn vinh hẳn đó ; dù gặp kẻ nông phu cũng đẹp, phận yên-phú hẳn còn. Dẫu mà may mắn cũng là, đành

SẮP XUẤT BẢN

MẸO CHỮ HÁN

do các ông
Hán học uyên thâm soạn
Các bạn mới học chữ Hán hay đã giỏi
chữ Hán đều nên có quyển này

ĐÔNG-TÂY THƯ QUÁN
195 hàng Bông Hanoi
xuất bản

Hai cuốn Paroles du Maréchal hợp một

(bản in rất đẹp)

Đến cuối tháng octobre sẽ xuất bản **Giá 5p.00**

Nên ghi tên mua ngay từ nay đến 30 Octobre tại tòa Đốc-lý Hanoi, Haiphong, tại phòng Báo-chí phủ Thống-sứ, tại tòa sứ các tỉnh.

cái phận, kẻo còn bàn may rủi; dẫu mà xấu xa cũng lấy, đành cái duyên, thôi đừng nói già non!

Sao mà phận bạc như vôi? Kim vàng mỡ uốn, rèm mai-hiên tên sẻ chẳng đưa, buồng dạ hợp chăn loan những luống! Cũng tưởng rồng gặp mây, cá gặp nước, đây vui mà đấy cũng vui: nào ngờ chim liền cánh, cây liền cành; ta muốn, nhưng người chẳng muốn! Hay là tài hèn sức mọn, trống chung-tình da thủng đánh không kêu. Hay là phận hẩm duyên hôi, gương tri-kỷ bóng mờ soi chẳng thấy. Hay là chốn xuân-viên đã lạnh, khách xem hoa thẹn mặt chẳng chơi. Hay là vườn hồng-hạnh đã tàn, người bẻ nhị kén tay chẳng lấy. Hay là nói-năng thua chúng bạn, để duyên đằm-thắm hóa bẽ-bàng. Hay là trang-điểm kém chị em, để phận hồng nhan ra duồng-dẫy.

Vậy biết phận đà đành phận, lòng hãy vững lòng: duyên kỳ-ngộ xưa nay là thế, tình hợp-hoan ai bảo chẳng thông! Đạm-Tiên kia tài-sắc không hai, duyên bạc phận cũng nhiều phen xếch-mếch; Thúy-Kiều nọ nết-na có một, số đoạn-trường còn lắm lúc long-đong! Thôi thì may rủi bởi giời, sớm muộn cũng đành cái phận, chê khen mặc thế, trước sau cũng một tấm chồng!

Trích ở *Quốc văn tùng ký* sách viết bằng chữ nôm của trường Bác cổ, số AB 383, quyển thượng, tờ 18a 19b. (4)

(*Còn nữa*)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

(1) Những bài thơ cổ trích ở quyển *Quốc âm thi ca tạp lục, từ trước đến giờ, chưa có ai in ra chữ quốc ngữ.*

2. Câu này chép theo bản chữ nôm của một người bạn trong Thanh-hóa; bản của Bác-cổ thiếu một chữ.

3. Bài phú này chép trong *Quốc văn tùng ký* đề là *Quá xuân nữ phú* có biên tên tác giả là Lê quý Đôn đời Cảnh hưng, nhưng không lấy gì làm chắc; xét ra chưa ai in ra quốc ngữ.

4. Có một người Pháp thích đọc văn nôm, đến Bác cổ hỏi tôi sao không biên tên sách vào chỗ phụ chú (như tôi đã biên quyển *Quảng tập viêm văn*), để cho ai nấy tìm sách mà so sánh và xem thêm. Tôi trả lời rằng đối với quyển *Quảng tập viêm văn* thì khác: tác giả là ông Edmond Nordemann đã quá cố đi rồi; chứ đối với những quyển mới xuất bản, còn bán ở các hiệu sách, thì có lẽ không tiện, vì làm thế nào cũng có vẻ bới móc xoi bói. Vả lại tôi vẫn định khi nào in xong những tài liệu của Bác cổ, nếu không có ai có bản nôm nào khác, tôi sẽ sắp đặt lại cho có thứ tự, đem dịch ra chữ Pháp, thích nghĩa cho phân minh, và đăng vào trong tập kỷ yếu của hội Trí tri. Nhưng người Pháp lại bảo rằng tuy vậy cũng nên có một cái sổ kê tên các sách văn tuyển, dù chỉ dùng cho việc học thư tịch cũng không phải là vô ích (*ne serait-ce qu'au point de vue bibliographique*). Tôi chiều ý kê ra đây, nhưng không kê hết, vì kê cả các loại sách như quyển *Việt hán văn khảo* của ông Phan kế-Bính, hay những quyển quốc văn độc bản, cùng những mục văn cổ đăng trong *Nam phong tạp chí*, *Đông dương tạp chí*, v. v. thì phải in đến năm sáu trang báo.

Vậy chỉ kê những quyển văn tuyển như sau này:

E. Nordemann *Quảng tập viêm văn*, *Chrestomathie annamite*, Hanoi 1898. — Dương tụ-Quán, *Vận văn bách tuyển*, Hanoi, Đông tây ấn quán, 1930 — Trần tuấn Khải, *Việt văn dẫn giải*, Hanoi, Nam ký thư quán, 1932. — G. Cordier *Morceaux choisis d'auteurs annamites*. Hanoi Lê văn Tân, 1932. — *Văn đàn bảo giám*, Hà nội, Nam ký, 1932, ba quyển. *Những áng văn hay*, Hà nội, Nam ký, 1933. — Nguyễn văn Ngọc, *Nam thi hợp tuyển*, Hà nội, Vĩnh hưng long 1934. — Lê thành Ý và Nguyễn hữu Tiến, *Việt văn hợp tuyển, giảng nghĩa*, Hà nội, Imprimerie tonkinoise, 1936. — Sử bình tử, *Thi văn với thời đại*, Huế, Tiếng dân, 1935. — Phi bằng, *Thi văn các nhà chí sĩ Việt nam*, Huế, Tân thanh, 1939. — Dương quảng Hàm, *Việt văn giáo khoa thư*, Hà nội, nha Học chính Đông Pháp xuất bản, 1940. — vân vân...

Kỳ sau:

Sơn-tinh, Thủy-tinh

hay

Sơn-tính, Thủy-tính?

của Ứng-Hòe Nguyễn văn-Tố

TÙY HỨNG

Tiếng kèn trống trận

Loảng-soảng bạc vàng, mưa thúc bão,
Đoành-đoành bom đạn, lửa tung băng :
Đất lệch, đồng lên, đầu lảo-đảo ;
Trời nghiêng, mẫu nhập, má bừng-bừng ;
Chân cuồng muốn nhẩy, tay hoa múa ;
Máu chậy trong người, máu réo sôi :
Sức hăng tưởng đánh tan đàn hổ,
Phá vỡ trùng vi ức vạn người...
Hồn say choáng-váng hòa theo nhịp
Tiếng kèn trống trận khoảnh đồi cao :
Lắc-lư, rún-rẩy, xoay-xoay tít,
Bay vọt, lênh-đênh, tê-tê nhào ..

H. MINH-TUYỀN

Vịnh nguyệt

Bán song đăng ảnh, mãn sàng thư,
Lộ trích thu đình dạ khí hư.
Thụy khởi, châm thanh vô mịch xứ,
Mộc-tê hoa thượng nguyệt lai sơ.

TRẦN NHÂN-TÔN

Dịch nôm :

Nửa song đèn lò, sách đầy giường,
Đêm vắng, thu dài, cửa đọng sương,
Thức dậy, chẩy đâu văng-vẳng tiếng ?
Trên cành hoa quế bóng trăng buông.

THI-NHAM dịch

Cảnh chiều phủ Thiên-trường

Thôn hậu, thôn tiền đạm tự yên,
Bán vô, bán hữu tịch dương biên.
Mục đồng địch lý qui ngưu tận,
Bạch lộ song song phi hạ điền.

TRẦN NHÂN-TÔN

Dịch nôm :

Xóm trước, làng sau, khói nhạt nồng,
Bóng tà nửa có, nửa như không.
Tiếng còi đàn mục rong trâu thổi ;
Cò trắng song song liệng xuống đồng.

THI-NHAM dịch

Buổi chiều mùa xuân

Thụy khởi khai song phi,
Bất tri xuân dĩ qui.
Nhất song bạch hồ điệp
Bách bách sấn hoa phi.

TRẦN NHÂN-TÔN

Dịch nôm :

Mở song, thức dậy, trông sân,
Xuân về, nhưng chửa biết xuân đã về.
Một đôi bướm trắng xun-xuê
Cùng nhau vỗ cánh trên huê lượn vành.

THI-NHAM dịch

Nhạc chiều

Sương mờ ! thơ vẩn trong sương !
Tơ êm-ả thông chiều vương-vấn chiều...
Cây mơ cùng gió hiu-hiu ;
Chim ngàn trạnh nỗi cô-liêu lìa cành !

Nhạc đâu gẩy khúc tơ tình,
Nhạc đâu gẩy giữa chiều xinh phút mờ:
Nhạc qua như gió trong mơ,
Mây ngang-ngang núi, nước lờ-lờ xuôi ;
Nhạc ôm bao ý xa-xôi,
Bao tình lỡ-dở, bao lời hờn duyên ;
Dặt-dìu như ảo, như huyền,
Như đua với bóng nàng tiên mơ-mòng ;
Nhạc chiều réo-rắt tơ đồng,
Cỏ cây đứng lặng, sóng lòng ngất ngây !
Nhạc chiều say thật là say,
Sương lam chếnh-choáng, áng mây ửng hồng.
Khi xa bát-ngát, mênh-mông ;
Khi cao, cao tận thinh-không mịt mù ;
Êm như cả một chiều thu ;
Lạnh như đưa tự âm-u rợn-rùng !

Tiếng tơ này tiếng não-nùng,
Tiếng tơ này tiếng tơ lòng quạnh-hiu !
Gió ơi ! lên với nhạc theo,
Gió ơi ! lên với nhạc chiều đang lên.

LÊTAO

(Trích trong Nhạc thiên-nhiên)

TIẾT HAI

HÁN-HỌC TRUYỀN-BÁ BỞI NHIỀU NGƯỜI NAM

HỒI Bắc-thuộc, ta có nhiều người tinh-thông hán-học, cũng thi, cũng đỗ. Ảnh-hưởng của họ thế nào cũng đủ thúc-giục, dấy-dức người nước nô-nức học-tập hán-văn. Ấy còn chửa kể nếu họ, sau khi thành tài, về nước, trực-tiếp truyền-bá chữ hán, giúp-đỡ dạy-bảo bà con học tập là khác.

Xét theo lịch-sử, ta kê qua một bản danh-sách ra sau đây :

Lý-Tiến, người Cao-hưng, đất Giao-chỉ, thông Kinh, Truyện, làm thứ-sử khoảng niên-hiệu Trung-bình (183-189) đời Hán Linh-đế (168-189). Ông có đưa thư lên vua Hán yêu-cầu về việc bổ dùng người Nam. Trong thư có vin dẫn nhiều điều, lời-lẽ rất thiết-tha, cảm-động. Ông lại đưa sớ yêu cầu nhà Hán đối-đãi người Nam có đậu hiếu-liêm cũng ngang với các bác-sĩ trong 12 châu bên Tàu.

Lý-Cầm, người Giao-châu xuất thân từ khoa-mục, làm túc-vệ trong triều Hán (206 tr. J. C. — 219). Thấy người Hán không chia đều ơn-huệ cho người Nam, ông có cực lực kêu-nài về việc đó. Về sau, ông lam đến chức tư-lệ hiệu-úy.

Trương-Trọng, người Hợp-phố, lanh trí, có tài biện-bác. Sau khi đã đỗ, ông vào Lạc-kinh. Nhằm lễ đại-hội ngày tết Nguyên-đán, vua Hán có hỏi ông ; « Dân Nhật-nam đều bướng về phía bắc, chầu mặt trời, phải không ? » Câu hỏi này rất có quan-hệ đến phong-thể một dân-tộc. Nếu ông không đáp cách khôn-khéo thì sẽ mắc hợm người Tàu ! Lanh-lợi, hoạt-bát, ông trả lời: « Tên quận cũng có nơi kêu là Vân-trung, hoặc Kim-thành, nhưng nào có phải đúng như thực đâu. Quận Nhật-nam, mặt trời cũng mọc ở đằng đông... Còn chỗ ở của quan và dân thì tùy ý hướng, bội, hoặc đông, hoặc tây, hoặc nam, hoặc bắc, chứ không nhất định hướng về phía nào ». Coi vậy đủ biết ông là người mẫn-tiệp, biết trọng danh-dự cho quê-hương. Sau ông được làm thái-thú ở Kim-thành.

Còn Khương-công-Phụ ? Trước đây các nhà làm sử sách bằng chữ hán đều công nhận Công Phu là nhà văn-học việt-nam. Song tôi không đồng ý. Đành rằng Khương-Thần-Dực, ông nội Công Phụ, có di cư sang ở Ái-châu (Thanh-hóa). Nhưng đến đời cha Phụ lại về làm quan và sinh cơ lập nghiệp ở Tàu. Công-Phụ sinh trưởng tại bên ấy, thi đỗ và làm bình-chương-sự dưới triều Đường Đức-tôn (780-804), rồi chết tại quê-hương ông là làng Tuân-hóa thuộc Khâm-châu. Như vậy ông là người Tàu trăm phần trăm, ta sao dám thấy sang nhận quàng làm họ ? (1)

1· Khương-Công-Phụ, khi đậu tiến-sĩ, có bài chế-sách rất lạ nhưng mất rồi, chỉ còn bài « *Bạch vân chiếu xuân hải phú* » rất xuất sắc. Nay xin trích dịch mội ít đây : « Mây trắng rung-rinh vờn bóng xuân trên mặt biển *xanh*. Khoảng không trắng sạch, sông Hán dập-*dềnh* ! Bóng mờ-mờ khi lấp-ló hé vừng nhật, nét nhè nhẹ khi tỏa sáng rọi thiên *đình*. Ban đầu : Cửa trời *mở*, bóng dương *tỏa*, đã phớn phở bay theo rồng, lại lẹ-làng thổi lướt *đá* ! Ra khỏi núi đề lượn cao, vượt qua sông rồi chạy *tả*... Nên chi biển ánh mây mà nổi xuân, mây soi biển mà trắng *xóa* ; hoặc ngồn ngộn chồng nếp trắng trên trời cao, hoặc lìm lịm. doành vẻ biếc giữa biển *cả*... » (Nguyên văn chữ hán có in trong bộ *Ugên Giám* của Tàu và *Đại Việt Sử Ký* v. v., lại có dẫn trong tập *Khương Công-Phụ sự-trạng khảo* » của Nhữ Đạm Trai soạn năm Nhâm thìn (1832) đời Minh mạng).

Nếu nhận Công Phụ là người Việt nam, tất phải kể bài phú đó của ông là một sản phẩm trong văn học giới Nam việt. Thế rồi theo thứ tự thời đại, ta sẽ phải kể đến những bài phú đời Trần ở sau. Như vậy sẽ lộn sộn hết cả cái trình tự tấn hóa của văn học. Vì, Trần cách Đường những 320 năm ; Công Phụ (nếu nhận là người Nam) đã có bài phú đặc Tàu và hay như vậy, thế sao phú đời Trần lại không bằng bài « *Bạch vân chiếu xuân hải* » kia ? Chẳng hóa ra lối phú đột nhiên phát đạt một chốc rồi lại giật lùi, đến nỗi đời sau không bằng hồi hơn ba trăm năm trước ?

Vậy, chẳng những quốc sử, đến cả văn học sử của ta cũng không nên nhận Khương Công Phụ là người Việt nam và là nhà văn Việt nam nữa.

Thử viết Số 11

VIỆT-NAM VĂN-HỌC SỬ

HOA-BẰNG

Trên đài kỷ-niệm người Nam góp công vào việc truyền-bá hán-học, ta cũng nên ghi tên Tính-Thiều, người đã dự cuộc chống lại nhà Lương (505-543). Ông là người giàu từ-tảo, không thèm làm chức Quảng-dương môn-lang do Sái-Tốn, thượng-thư nhà Lương, bổ dùng, tức thì đi về quê-hương, giúp Lý-Bí (544-548), mưu việc đánh đuổi thứ-sử Tiêu-Tư, lập nước Vạn-xuân.

Phàm những người Nam trong hồi Bắc-thuộc đã có học-thức danh-tiếng như vậy thì đối với công-cuộc truyền-bá hán-văn, thế nao họ cũng có ảnh-hưởng đến nhân-dân bấy giờ chẳng nhiều thì ít. (2)

TIẾT BA

HÁN-HỌC TRUYỀN-BÁ BỞI CÁC PHẬT-ĐỒ

Trước khi nói đến Phật-đồ góp công trong việc truyền bá hán-họ ở xứ này, ta phải xét rõ nguyên-ủy Phật-giáo tràn vào Việt-nam từ bao giờ và bước đường lịch-trình của nó ra sao đã.

2) Sách *tham khảo* : *Bách Việt Tiên Hiền Chí* quyển II, tờ 7a, 11b — 12a ; *Khâm định Việt sử thông giám cương mục, Tiền biên*, quyển II, tờ 26-28.

Đạo Phật truyền vào Việt nam do hai đường : Một đường từ Tàu truyền sang, một đường theo Ấn-độ dương (Océan Indien) tràn vào. Nay chia trình-tự đạo Phật thâu nhập trong hồi Bắc thuộc làm ba thời-kỳ lớn :

1) *Thời-kỳ thứ nhứt* (từ đầu thế-kỷ thứ III đến hết thế kỷ thứ VI). — Ban đầu, Khang-tăng-Hội (Sogdien Seng-houei : 280), thứ đến Khương-lương-Lâu-Chí (Indoscythe Kalyanaruci : 255 hoặc 256), rồi tới các thầy tu Ấn-độ Ma-la-kỳ-vực (Marajivaka) và Khâu-Đà-La (Ksudra : 294) đều là những người đầu tiên sang truyền Phật-giáo tại đất Nam-việt. Kế đó, Mâu Bác (Meou Po), người Tàu, vì nghiên-cứu Phật-giáo, cũng đến Bắc-kỳ.

Thời kỳ thứ hai. — Sư Tỉ-Ni Đa-lưu-Chi (Vinitaruci) từ năm 580, đến Bắc-kỳ, giảng dạy về Thiền-tông, lập thành ở Bắc-ninh một tông phái mà người ta kêu tên theo danh-hiệu sư đó.

Thời kỳ thứ ba. — Vô-ngôn-Thông (họ Trịnh) người Quảng-châu (Kouang-tchéou) sang trụ ở chùa Kiến-sơ làng Phù-đổng (Tiên-du, Bắc-ninh) hồi tháng 9 năm Đường Nguyên hòa thứ 15 (820). Tu theo lối « bích-quan » của Đạt-Ma (Bodhidharma), ông lập ở chùa đó một thiền-tông mới (nouvelle école du Dhyana)

Đấy, trong vòng ngót 700 năm, đạo Phật truyền vào Việt Nam lúc ban đầu đại khái là thế. Theo sách « Thiền-uyển Tập Anh », thì sau sư Vô-ngôn-Thông, nước Nam có nhiều cao tăng ra đời, gây thành cái xu-hướng Phật-học ở xứ ta từ thế kỷ thứ XI trở đi.

Trong hồi Bắc thuộc, các vị cao tăng người Nam như Cảm thành, Thiện-hội và Vân-phong v.v. muốn nghiên-cứu Phật-giao, tất phải nhờ Hán-học làm cái chìa khóa để mở cửa Thiền-Vả, khi giảng dạy kinh tạng cho đệ tử, các ông đó tất phải tinh thông hán-học lắm mới có thể cắt nghĩa được những chỗ mầu nhiệm uyên-vi.

Lại trong thiên « *Thiền dật* » sách « *Kiến văn Tiểu lục* », tác giả Lê-quý Đôn nói : dưới triều Đường (618 905) nước Nam có bốn vị cao-tăng (1) Trừ vị Nhật năm tăng trường trụ ở núi bên Tàu ra, còn Vô-Ngại tu ở chùa Sơn-tĩnh hạt Cửu-châu (Thanh-hóa), Phụng-Định và Duy-Giám đều có sang Tàu giảng kinh ở trong cung nhà Đường, khi già lại trở về nước. Như vậy các ông đó chẳng ít thì nhiều, thế nào cũng có ảnh-hưởng về hán học đến dân Nam việt.

Vậy có thể nói : các nhà Phật-học bấy giờ, đối với hán học, chẳng những có công gián tiếp là nghiên-cứu nó để làm lợi khí truyền-bá đạo Phật, mà lại có công trực-tiếp là góp những câu kệ, bài thơ thần bí vào kho văn-học hồi đó nữa (2) (còn nữa)

1) Tác giả Lê-quý-Đôn trích trong sách « *Loại ham Anh hoa* » của Tàu.

2) Sách báo tham khảo: *Thiền uyển tập anh* ; « *Le bouddhisme en Annam* » của Trần-van-Giáp đang trong Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême-Orient, 1932; *Kiến văn Tiểu lục, Thiền dật*, của Lê quý Đôn.

Thống chế Pétain đã nói

« Ai cũng phải tùy theo địa vị mình mà phụng sự quốc gia cách-mệnh. Ai cũng phải tận tâm lo tròn bổn phận đối với nước và hằng nhớ rằng ta đương dự vào một việc công ích lớn-lao, cao-thượng.

Làm một việc rất nhỏ mà vẫn biết trông ra một tầm cao rộng thì sự đó cũng đủ làm cho ta mãn - nguyện hài-lòng.

Sách mới

Bản-chí mới tiếp được :

1·) Thử lửa, tiểu-thuyết dài của ông Hoàng văn Sự, giá bán : 1 p 00

2·) *Bức thư tuyệt mệnh* (tiểu thuyết) soạn giả Giao-Chi, giá : 0 p. 45

3·) Mực mài nước mắt (tiểu thuyết) soạn giả : Lan Khai, giá : 0 p. 45

Ba quyển trên đều do nhà Đời mới xuất bản.

4·) Giấc mộng con của nhà văn đã quá cố : Tản-Đà Nguyễn khắc-Hiếu, do nhà Hương-Sơn xuất bản. Sách giầy 171 trang, in bằng giấy bản, giá mỗi cuốn : 0 p. 75

5·) Tân-nữ huấn ca của ông Nguyễn đức Bảo, giáo học, soạn. Giá bán : 0 p. 20

Toàn truyện là lời một bà mẹ hiền dậy con gái những cách cư-sử cho trọn bổn phận, đối với gia-đình và xã hội Việt nam ngày nay. Quyển này đã được nha Học chánh công nhận làm sách giáo-khoa (1).

Xin cảm ơn các tác giả, các nhà xuất bản và vui lòng giới-thiệu cùng các bạn đọc.

1) Bán buôn tại Đồng-Tây thư quán 195 Hàng Bông Hanoi.

Đón coi :

Phong dao chia loại và giải nghĩa (IV)

Giai-thoại trên đàn văn

Nhanh trí khôn

Có một chàng chữ-nghĩa cũng khá, nhưng lấy con gái một ông đại khoa rất hay chữ. Một hôm, ông nhạc ngồi uống rượu, cho gọi chàng rể ngồi hầu rượu cho vui.

Khi đang ăn, ông trông thấy con chó lớn hàng xóm đứng ở bên cạnh rậu thưa và con chó nhỏ của nhà thì đứng ở sân. Ông nhạc mới ném một miếng xương ra cạnh rậu : hai con chó cùng ra tranh nhau, cắn nhau, ông liền đọc một câu bảo chàng rể đối :

Đại súc cách ly phệ tiểu súc. (Nghĩa là : cách rậu chó lớn cắn chó con. Câu này dùng toàn chữ quẻ ở kinh Dịch : quẻ *Tiểu súc*, quẻ *Đại súc*, quẻ *Ly*, quẻ *Phệ*, quẻ *Cách*.)

Anh chàng rể ngồi ngẩn mặt mãi, không đối được.

Vợ ở nhà dưới lên, thấy tình-cảnh chồng như vậy, lấy làm xấu-hổ, mới định gà cho chồng, liền ra ngoài sân gọi to lên rằng : « Bảo ai ra giếng gọi người nhà về ăn cơm.»

Anh chồng hiểu ý biết ngay vợ gà cho mình, mới nghĩ ra, và xin phép đối :

Đồng-nhân ly tỉnh hoán gia-nhân. (Nghĩa là : ai ra giếng gọi người nhà về. Câu này cũng dùng toàn chữ ở kinh Dịch : quẻ *Đồng-nhân*, quẻ *Gia-nhân*, quẻ *Tỉnh*, quẻ *Ly*. quẻ *Hoán*, đối trọi với câu trên).

Đối xong, ông nhạc cho là được nhưng cũng biết con gái mình gà và con rể mình là một anh nhanh trí khôn.

TIÊN-ĐÀM
(Thuật theo nhời một nhà nho ở Bắc-ninh)

Cải-chính

T. T. số 21, trang 9, cột 1, giòng 5 : « *chôn* mái nước » sửa là « *trên* mái nước », giòng 22 : « *gaii* ưu phiền » sửa là « *giải* ưu phiền » ; giòng 26 : « *vầng* thái dương » sửa là « *vắng* thái-dương ». Trang 5, cột 3, giòng 34 : « ...*thâu* nhỉ » sửa là « *thân* nhỉ ».

Cùng các bạn đọc chưa trả tiền báo

Bản chí xét sổ lại thấy còn nhiều bạn đọc xuốt từ số 1 đến nay vẫn chưa trả tiền báo cho. Vậy giám mong các ngài kíp mua mandat gửi ngay về để tiện việc sổ sách. Đa tạ trước.

TRI-TÂN

Hộp thư

Ông Nguyễn phi Chiu, Hà-tĩnh. — Về bài M. Đ. M K. của Nguyễn huy Hỗ, rất hoan nghinh. Xin ông cứ gửi ra cho. Cám ơn trước.

Ông Thúy-Minh, Blao. — Đã nhận được kịch S C. D. Xin đa tạ.

Ông Tân-Nghi, Khánh-hòa. — Vì một lẽ riêng, bài ông không ra được.

Bạn Phan khắc-Khoan, Huế. — Đã tiếp thư bạn. Đã gửi báo số 18 và từ số 21 trở đi. Mấy vở kịch bạn nói, xin cứ gửi ra cho. Cám ơn trước. — H. B.

Ông Trần văn-Quon, Long-xuyên. — Có tiếp được mandat 4 p của ông. Thơ kia gửi vô ông là nhầm đó.

Bà J. Sang Faifo. — Đã gửi từ số 20 rồi.

Ông Nguyễn văn Đăng, Bảo-lạc — Hạn báo của ông đến hết tháng Novembre này vừa đúng 6 tháng. Ông mới gửi trả tiền 3 tháng là 1 p 50. Ông gửi trả nốt cho.

Ông Kiều thanh-Quế Cần-thơ. — Thơ ông viết ngày 21 Octobre bảo chúng tôi gửi lĩnh hóa giao ngân bộ T. T. vậy mà khi gửi ông lại trả lại. vì cớ gì vậy ?

Ông Nguyễn viết Lãm, Sông cầu. — Chúng tôi chỉ có thể gửi T.T. đủ bộ từ số 1 hầu những ngài mua 1 năm thôi, nên đã gửi báo số 21 cho ngài.

Ông Bửu Cang, Quảng nam. — Đã gửi từ số 20.

Ông Trần Kinh, Hà tĩnh — Ông mua buôn thì trừ 20 *l.* tiền cước ông không phải chịu.

Đường hỏa-xa qua sa-mạc Sahara (Phi-châu)

NHẬT-NHAM

MIỀN Bắc-Phi có một bề cát bao-la bát-ngát, thường gọi là sa-mạc Sahara, khởi từ các xứ Bắc-Phi (Algérie, Tunisie, Maroc : thuộc-địa Pháp) xuống tới Soudan của Pháp ở miền nam, rộng trên 1 000 cây số. Bề dài từ xứ Ai-cập đến miền duyên-hải Đại-tây-dương, sa-mạc Sahara đo được 4 500 cây số.

Giữa sa-mạc có nhiều núi cát đồ-sộ, có nhiều cao-nguyên và nhiều núi đá. Lơ-thơ một ít rừng cây chà-là, trong cái bề cát hoang-vu, chỉ lác-đác một ít làng-xóm dân Maures, Tonaregs và Tibbons, họp thành bộ-lạc, không có sở-cứ nhất định, thích di-cư, nay đây mai đó với cuộc đời phiêu-lưu sống bằng nghề chăn nuôi, giồng-giọt.

Riêng miền Sahara thuộc địa-phận Algérie sản-xuất nhiều quả chà-là và ngũ cốc nuôi sống được 700.000 Ả-rập, Berbères và dân da đen.

Số sông ngòi chảy ở giữa sa-mạc rất hiếm và rất ngắn.

Cái bề cát mênh-mông như thế mà làng-xóm lơ-thơ, đồ ăn đã hiếm,. nước uống lại khan, cho nên sự giao-thông gặp nhiều nỗi khó khăn, nguy-hiểm. Xưa dân thổ-trước vẫn dùng lạc-đà vận-tải, thời thường gặp nạn giữa đường vì đói khát. Vì vậy, kẻ đi không hẹn ngày về.

Về sau, nhờ có phi-cơ và ô-tô, nên sự vãng lai trên sa-mạc được dễ-dàng.

Như Jules Vernes có mộng-tưởng về việc phi-hành, ông Duponchel từ bao năm đã nghĩ đến sự giao-thông xứ Algérie với Soudan bằng đường hỏa-xa qua sa-mạc Sahara. Năm 1878, ông xuất-bản một quyển sách tại Montpellier nói về việc ấy. Hưởng-ứng với ông, ông de Freycinet, khi đó, làm Tổng-trưởng bộ Công-tác, cho ba phái-bộ sang châu Phi thám-hiểm.

Năm 1879, ba phái-bộ lên đường tới ba nơi : phái-bộ Pouyanne thám-hiểm từ miền Nam Oran đến vùng Touat ; phái-bộ Choisy và Rolland thám-hiểm từ Laghonat đến El-Goléa ; phái-bộ Flatters thám-hiểm từ Ouargla đến Hoggar.

Rồi việc đặt đương hỏa-xa Sahara bị chôn sâu dưới thời-gian ! Mãi đến năm 1891, ủy-ban Phi-châu thành-lập, lại đem ra bàn-luận Tiếp đến những cuộc thám-hiểm của các ông Brazza, de Binger, de moteil, được các chính-giới hoan-nghênh. Ai nấy công-nhận sự ích-lợi của con đường hỏa-xa Sahara.

Năm 1912, một phái-bộ, dưới quyền giám-đốc của ông Nieger, đi thám-hiểm nốt đoạn cuối từ miền Oran đến hồ Tchad, qua Beni-Abbès và Aoulef.

Việc đặt đường hỏa-xa Sahara chưa kịp khởi công, ngọn lửa chiến-tranh đã cháy bùng trên đất Âu-châu ! Quân-đội Tây-Phi phải xuống tàu tới mặt trận Pháp. Bao nhiêu sản-vật nơi hải-ngoại đều chuyển về mẫu-quốc, để cung cho việc chiến-tranh.

Năm 1921, bắt-đầu có ô-tô chạy qua sa-mạc : ông Estienne mở một hãng ô-tô chạy từ miền Nam-Oran đến Niger qua Colomb Béchar Bidon và Gao. Các phi-công Vuillemin, Pelletier d'Oisy và Pierre Weiss bay đi thám-hiểm trên biển cát Sahara.

Ngày 11 juin 1923, Tối-cao Hội-nghị quân-sự công-bố cần khởi công việc đặt đường hỏa xa Sahara theo bản-đồ của phái-bộ Nieger phác-họa. Song không được bộ Tài-chính đồng-ý, nên lại hoãn.

Tới năm 1928, vấn-đề hỏa-xa Sahara lại đem ra bàn-luận. Ông Edouard de Warren, đại-biểu tỉnh Nancy và điền-chủ tại xứ Tunisie, đã lâu vẫn chú-ý thực-hành một việc có tính-cách quốc-gia hơn là quốc-tế, đứng xin ông André Tardieu, Tổng-trưởng bộ Công-tác, ban-hành một đạo sắc-lệnh lập một cơ-quan xét việc đặt đường hỏa xa Sahara.

Cơ-quan ấy thành-lập ; ông Steeg chủ-tọa.

Khi phái-bộ khởi-hành, một nửa phần các nhà thực-hành và chuyên-môn không đồng-ý với dự-án đặt đường hỏa-xa. Sau hai năm quan-sát trên đất Algérie, Sahara, Tây-Phi Pháp, ông Devallon đứng đầu phái-bộ, làm tờ trình, được nhiệt-liệt hoan-nghênh.

Năm 1935, Hội-nghị Pháp-quốc Hải-ngoại bế-mạc, sau khi duyệt-y bản dự án lập đường hỏa-xa Sahara.

Nhưng dự-án này không phải không gặp phản-động-lực. Dân miền duyên-hải Tây-Phi yêu-cầu Chính-phủ mở-mang cho xứ họ, trước khi muốn mở-mang một vùng xa xôi như thế. Họ sợ các thuộc-địa phải chịu các khoản-phí nặng-nề do một việc, theo ý họ, không ích gì cho dân-chúng. Họ lại yêu-cầu đặt cơ-quan tháo nước cho miền Cựu-Sénégal thường bị úng thủy.

Những quyền-lợi ngoại-quốc

cũng tương-phản với việc đặt đường hỏa-xa Sahara chỉ lợi riêng cho nước Pháp.

Công-ty hàng-hải sợ giảm quyền-lợi một khi có đường hỏa-xa Sahara, nhưng họ có biết đâu rằng đường hỏa-xa này chạy cách miền duyên-hải 2000 cây số không thể cạnh-tranh với họ được.

Công-việc đặt đường hỏa-xa qua Sahara gặp nhiều phản-động-lực như thế một phần vì sự không hiểu công-dụng của con đường giao-thông ấy.

Con đường hỏa-xa này có công-dụng rất nhớn trong tương-lai.

Không phải đặt đường hỏa-xa chỉ riêng cho việc vận-tải muối miền Sahara. Đường hỏa-sa Sahara sẽ dùng để chuyển tới Địa-trung-hải những hoa mầu sản-xuất tại đồng-bằng N ger và rút ngắn đường giao-thông xứ Soudan với Algérie.

Chính-phủ Pháp trước khi định đặt đường hỏa-xa Sahara, đã dùng các phương-pháp để mở-mang cho miền N ger về phương-diện kinh-tế. Một cơ-quan tháo nước cho miền này khỏi úng-thủy sắp khánh-thành nay mai. Trên một cánh đồng-bằng rộng 10 000 cây số vuông, trong ít lâu nữa, sẽ sản-xuất đủ các hoa-màu, bông súc vật, da... Khi đó, dân Ả-rập sẽ bỏ miền duyên-hải Địa-trung-hải kéo xuống đồng-bằng Niger, khai-hoang và giồng-giọt, chăn nuôi. Các điền chủ người Âu ở Algérie và Tunisie sẽ tới đó lập các ấp doanh-điền.

Miền Niger sẽ phồn-thịnh một cách mau-chóng.

Đường hỏa-xa Sahara sẽ chở được 3000 tấn, tiền cước hạ hơn tàu thủy, nhân-công và phí-khoản rất ít.

Đặt trên một miền bình-thản, đường hỏa-xa không gặp nhiều nơi hiểm-trở cần phải dùng cơ-quan công-tác. Chính-phủ chỉ cần đặt vài nơi liên-lạc giữa khoảng 2.500 cây số.

Các hãng ô-tô sẽ không bị cạnh tranh, vì ô-tô chạy nhiều chuyến và nhiều đường hơn. Vả, hỏa-xa chỉ cốt vận-tải hàng-hóa, mở-mang việc thương-mại với Địa-trung-hải.

Nhiều kỹ-nghệ sẽ khuếch-trương tại đầu đường hỏa-xa do việc khai các mỏ. Mỏ than sẽ đưa các nhà tư-bản Âu-châu đến miền Kenadza và các mỏ khác sẽ lấy In-Tassit làm trung-tâm. Sau một đoạn 1850 cây số, có nhiều mỏ phân hóa-học có thể làm cho miền trung-châu Niger ngày thêm phồn-thịnh.

Chính-phủ Maroc và Algérie đã khởi công đặt đường hỏa-xa từ Oran đến Colomb-Béchar, cạnh vùng mỏ than Kenadza. Từ Colomb-Béchar, sẽ nối thêm 200 cây số, rồi bắt đầu đoạn đường qua sa-mạc Sahara.

Đường sắt khởi từ Oran vì Oran là một thương-khẩu rất sầm-uất trên bờ Địa-trung-hải và cách Alger là kinh-đô Algérie có 400 cây số, rất tiện cho sự giao-thông hai thương-khẩu.

Một khi đường hỏa-xa Sahara đã khánh-thành, sẽ giúp vào việc mở-mang các thuộc-địa Pháp ở tây và bắc châu Phi về phương-diện kinh-tế, xã-hội, chính-trị và tinh-thần nhiều lắm : Một con đường dẫn-lộ đem đuốc văn-minh đến soi sáng một phương trời xa-xa mù mịt : miền Sahara !

« Đó là một công cuộc có ảnh-hưởng đến tương-lai nước Pháp và tiền-đồ Pháp-quốc hải-ngoại », như nhời Đô-đốc Platon, Tổng-trưởng bộ Thuộc-địa, đã tuyên-bố, sau khi sắc-lệnh đặt đường hỏa-xa qua sa-mạc Sahara đã được duyệt-y ngày 15 Mars 1941.

NHẬT-NHAM

TIN VẮN HẰNG TUẦN

Đông-dương

Bắt đầu từ 15 Novembre 1941, các báo ở Đông dương chỉ được xuất bản 4 trang khổ nhỏ (40 x 60 phân tây). Báo nào muốn thay đổi số trang phải xin phép quan Toàn quyền.

Mở hiệu buôn hay xưởng công nghệ mà không xin phép trước sẽ bị truy-phạt.

Bác sĩ Le Roy des Barres phải từ chức chủ tịch uỷ ban thường trực đại hội nghị kinh tế và lý tài Đông-dương.

Trước máy vô tuyến điện truyền thanh tại Saigon, tối 2 Novembre 1941, quan Toàn quyền cổ động việc lập xóm sinh-viên.

Sư bà chùa Thủ hòa (Hà nam) tự thiêu chết, thọ 45 tuổi.

Quan Thượng thư bộ Giáo dục Phạm Quỳnh mới đọc diễn văn tại Huế về « công cuộc chấn chỉnh quốc gia ở Pháp và khôi phục cổ điển ở nước Nam ».

Tối 6 Novembre 1941, hội đồng thành phố Hà nội sẽ họp phiên đầu tiên.

Tối hôm 22 Octobre, ông Phan khắc Khoan đã nói enuyện đến hai giờ đồng hồ ở Huế về vấn đề « *Âm-nhạc trong thi ca* ».

Quốc-tế

Chiếc diệt-ngư lôi Mỹ Reuben James bị đánh đắm ở phía bắc Đại tây dương. Chưa biết số thiệt hại bao nhiêu. Dư luận Mỹ rất sôn sao.

Quân Nga Đức giao chiến kịch liệt quanh thành Mạc tư khoa. Đức đã tiến cách Toula 100 cây số và tiến rất nhanh ở miền nam.

Thoát cung vua Mạc

Một thiên tiểu-thuyết do Chu-Thiên viết sẽ ra mắt các bạn đọc-giả của Tri-Tân.

Dẫn giải và chú-thích bài văn tế Phụ-mã Chưởng Hậu-quân Võ Tính và Lễ-bộ Thượng-thư Ngô Tòng-Chu

NHẬT-NHAM

Tiểu dẫn

THÁNG ba năm Kỷ-vị (1799), chúa Nguyễn Ánh thấy thế Tây-sơn đã suy-nhược, bèn cử đại binh ra đánh Qui-nhơn. Quan Trấn-thủ Qui-nhơn cùng các tướng mở cửa ra hàng. Nguyễn-vương đem quân vào thành, đổi tên Qui-nhơn làm Bình-định, để Võ-Tính và Ngô Tòng-Chu ở lại trấn-thủ rồi về Gia-định.

Năm sau (1800), tướng Tây-sơn là Thái-phó Trần Quang-Diệu và Võ văn-Dũng đem thủy, bộ-quân vào lấy lại thành Qui-nhơn, sai đắp lũy chung-quanh thành và vây bốn mặt rất kín.

Năm Tân-dậu (1801), Nguyễn vương thấy quân Tây-sơn vây thành Qui-nhơn rất nghiêm-mật, đánh phá mãi không được, bèn cho người lẻn vào thành hạ-lệnh cho Võ Tính và Ngô Tòng-Chu bỏ thành mà ra. Võ Tính phúc thư rằng :

« *Hiện nay : tinh-binh Tây-sơn ở cả Qui-nhơn; thành Phú-xuân không phòng-bị. Nhân cơ-hội, xin nhà vua kịp ra đánh lấy Phú-xuân; đừng lo việc giải vây vội. Nếu phải hi-sinh tính-mệnh để đổi lấy thành Phú-xuân, kẻ hạ-thần này thực rất sung-sướng.* »

Nguyễn vương bèn để Nguyễn văn-Thành ở lại chống nhau với Tây-sơn, rồi đem đại-quân ra đánh Phú-xuân.

Ngày 3 tháng 5 năm Tân-dậu (1801), quân Nguyễn-triều thu-phục được thành Phú-xuân. Nguyễn-vương treo biển yên dân, rồi cho quân vào cứu Qui-nhơn, nhưng không kịp !

Trong khi ấy, Trần Quang-Diệu ngày đêm hết sức đốc quân đánh thành Qui-nhơn.

Quân Nguyễn-triều ở trong thành hết cả lương-thực. Liệu không thể chống-giữ được nữa, quan Trấn-thủ là Võ-Tính, bèn viết thư cho Trần Quang-Diệu : «*Phận-sự ta làm chủ-tướng thì đành liều chết ở dưới cờ. Còn các tướng-sĩ không có tội gì, không nên giết hại.* » Rồi sai người lấy rơm cỏ và củi chất ở dưới lầu Bát-giác, định tự đốt để tuẫn tiết.

Một buổi sáng, Ngô Tòng-Chu đến hỏi kế Võ Tính. Võ chỉ lầu Bát-giác, bảo rằng : « *Ấy kế tôi đã định ! Thân làm chủ-tướng, bổn-phận tôi phải tuẫn-tiết, không thể cùng kẻ thù đội trời chung ! Nghĩa tôi phải thế đã đành. Còn ông là văn-thần, cũng nên tìm cách tự toàn.* »

Ngô cười, đáp rằng : « *Lòng-trung quân, ái quốc, ai cũng như ai, cứ gì văn với võ ? Tướng-quân muốn hi-sinh cho nước, còn tôi đây lại không biết chết để tỏ lòng trung hay sao ?* »

Nói xong, Ngô trở về, mặc đồ triều-phục, trông lạy về cửa khuyết, rồi uống thuốc độc tự-tận.

Được tin, Võ-Tính buồn rầu than rằng : « *Thế ra Ngô đã đi trước ta một bước rồi !* » Rồi thân đến trông-nom việc mai-táng cho Ngô rất chu-đáo.

Sau đó hai ngày, Võ Tính mặc đồ triều-phục, trèo lên lầu Bát-giác, quay lại bảo tướng-sĩ : « *Từ ngày ta cầm quyền chủ-súy, mang trách-nhiệm trấn-thủ thành này, bị quân địch đông hơn vây hãm, thấm thoắt đã được hai năm. Nhờ lòng dũng cảm của các ngươi, nên ta mới cố thủ được tới ngày nay. Lương đã cạn, sức đã quyện, không thể kháng-chiến được nữa. Vậy ta không muốn các ngươi vì ta phải lầm-than mãi. Ta đi đây, ta chết để đem lại hạnh-phúc cho các ngươi !* »

Các tướng-sĩ rất cảm động, lăn xuống đất, vừa than vừa khóc để tỏ lòng thương-xót.

Võ Tính vĩnh-biệt mọi người, trèo lên đống củi, sai Nguyễn văn-Biên đổ thuốc súng vào mà đốt. Nguyễn văn-Biên khóc, không dám vâng lệnh. Võ tự đốt mà chết.

Tổng-binh Nguyễn tiến-Huyên theo gương Võ cũng nhảy vào lửa tuẫn-tiết.

Trần quang-Diệu vào thành Qui-nhơn, tha cả bọn tướng-sĩ và sai làm lễ liệm-táng Võ Tính.

Nguyễn-vương được tin, rất lấy làm thương-xót, bèn truy tặng Võ Tính tước Dực-vận công-thần Phụ-quốc thượng-tướng-quân thượng-trụ-quốc Thái-úy quốc-công thiếu-trung-liệt.

Tháng 5 năm Nhâm-tuất *1802*, Nguyễn-vương lên ngôi hoàng-đế, niên-hiệu là Gia-long. Tháng 7 năm ấy, vua Gia-long sai xây một cái đền ngay chỗ lầu Bát-giác cũ, trong thành Bình-định, để thờ Võ-Tính và Ngô tòng-Chu. Trong khi cử hành lễ khánh-thành, vua sai Đặng đức-Siêu làm bài văn tế sau này để đọc trong dịp trung-điệu hai vị trung-hưng công-thần của bản triều :

Văn tế

«... Than rằng :

« *Đạo thần-tử hết lòng thờ chúa, gian-nan từng giãi dạ trung-thành. Đứng anh-hùng vì nước*

quên mình, điên-bái chẳng sai lòng tiết-nghĩa. Ngọc dẫu tan, vẻ trắng nào phai ; trúc dẫu cháy, tiết ngay vẫn để (1),

« *Nhớ hai ngươi xưa : Thao-lược ấy tài ; kinh-luân là chí. Phù vạc Hán* (2) *thủa ngôi trời chếch lệch* (3), *chém gai* (4) *đuổi lũ hung-tàn. Vớt xe Đường khi* (5) *khi thế nước chông-chênh, cầm bút ra tay kinh-tế. Mối nghĩa sánh duyên gác tía* (6), *bước gian-chuân từng cậy dạ khuông-phù* (7) *Màn kinh* (8) *giup sức cung xanh* (9) *công mông-dưỡng đã đành lòng ủy-ký* (10). *Hậu-quân thủa trao quyền tứ-trụ, chữ ân uy nhớn nhỏ đều phu. Lễ bộ phen làm việc chính-khanh, bề trung-ái sớm khuya chẳng chễ. Ngoài cõi vuốt nanh* (11) *ra sức, chỉ tiễm-cừu đành giãi xuống ba quân. Trong thành vững dạ chia lo, bề ưu-quốc đã thấu lên chín bệ* (12). *Miền biên-khổn* (13) *đôi năm chia sức giặc, vững lòng tôi bao quản thế la nguy. Cõi Phú-xuân một trận thét uy giời nặng việc nước phải lấy mình làm nhẹ* (14). *Sửa mũ áo lạy về bắc-khuyết* (15), *ngọn quang-minh* (16) *hun mát tấm trung-can* (17). *Chỉ non sông giã với cô-thành* (18), *chén tân-khổ* (19) *nhắp ngon mùi chính khí.*

« *Há rằng ngại một phen thỉ-thạch* (20), *giải trùng-vi mà theo tới quân-vương ? Bởi vì thương muôn mạng tì-hưu* (21), *thà nhất tử để cho toàn tướng sĩ. Tiếng hiệu-lệnh mơ-màng trước gió, ân-tín xưa người bộ khúc thương tâm. Bóng tinh-trung* (22) *thấp thoáng dưới đèn, phong-nghi* (23) *cũ kẻ liêu-bằng* (24) *sái lệ* (25)

« *Cơ đãng-định kip chầy đành hẹn buổi, xót tướng-doanh sao vắng mặt thân-huân* (26) ! *Phận truy-tùy giang tấc cũng đền công, tiếc nhung-mạc bỗng thiệt tay trung-trí* !

« *Nay gặp tiết thu, bày tuần úy-tế Hai chữ cương-thường* (27)*nghĩa nặng,rõ cổn-ba* (28)*cũng thỏa chốn u-minh. Nghìn thu hà nhạc khí thiêng* (29), *sắp mao-việt* 30 *mở nền bình-trị*

« Thượng hưởng !

Chú-thích

Bài văn tế này trích ở bản chữ nôm *Lệ-ngữ văn tập* Nhời văn lưu loát, không những lâm-ly thống-thiết lại còn hùng-tráng sâu-xa. đủ tiêu-biểu cho nền quốc-văn thời bấy giờ, một thời không những chỉ có võ-công, mà lại còn thêm văn-trị nữa ! Dưới đây là chú giải những điển tích và chữ khó :

1/ Ý hai câu này nói chết một cách trong sạch và giữ được dạ trung-thành, lòng tiết nghĩa.

2/ Hán-đỉnh, ngôi vua.

3/ Ý nói Nguyễn-vương bị Tây-sơn đánh đuổi, tưởng chừng cơ nghiệp phải nghiêng đổ.

4/ Phùng-Dị đến kinh-sư triều kiến. Vua bảo các công-khanh : «Khi trẫm khởi nghĩa, người này là chủ-bộ của trẫm, đã từng không quản khó nhọc chém gai ở dọc đường để giúp trẫm định được Quan-trung »

5/ Địch-nhân-Kiệt kéo xe vua Đường-Trung-Tôn đến Lô-lăng

6/ Tử các, cung-các công-chúa. Võ-Tính lấy con gái vua Gia-long là Ngọc-Du.

7/ Vừa-giúp nhà vua.

8/ Kinh ác, nơi vua họp các văn-thần để bàn luận văn-chương hay chính-sự . Ngô-tòng-Chu làm thượng-thư được dự bàn việc nước.

9/ Thanh-cung, cung hoàng-tử. Ngô-tòng-Chu dạy hoàng-tử học.

10/ Phó thác việc dạy hoàng-tử cho Ngô-tòng-Chu.

11/ Ví quân-sĩ như nanh vuốt của nhà vua.

12/ Cửu-bệ, chỉ bóng về vua.

13/ Nơi biên-giới.

14/ Coi cái chết nhẹ như lông hồng.

15/ Chỗ vua ngự.

16/ Ngọn lửa sáng và trong đã thiêu Võ-Tính.

17/ Lòng trung.

18/ Thành côi, không có quân cứu-viện.

19/ Chén thuốc độc. Ngô-tòng-Chu uống thuốc độc tự-tử.

20/ Tên đạn.

21/ Vật giống như loài hổ báo, chỉ quân-sĩ.

22/ Linh hồn kẻ trung liệt đã khuất phảng phất bàng-bạc trong ban đêm.

23/ Hình-dung.

24/ Liêu-bằng = bạn đồng liêu.

25/ Giỏ nước mắt.

26/ Những người vừa có họ tôn-thất, vừa có công-trạng giúp nhà vua.

27/ Tam cương là ba rường (vua tôi, cha con, vợ chồng).

Ngũ-thường là năm mối (nhân nghĩa, lễ, trí, tín)

28/ Cổn ba nghĩa đen là áo hoa của người có phẩm tước, nghĩa bóng là ân-điển do nhà vua ban cho.

29/ Ý nói vĩ-nhân đều do Tạo-hóa đúc nên bằng khí thiêng sông núi. Văn-thiên-Tường có nói trong bài *Chính-khí ca*: Trong trời đất có chính khí Chính-khí có nhiều hình: Dưới thì là sông núi, trên thì là mặt trời và tinh tú, trong người ta thì gọi là khí hạo nhiên. Khí ấy bành trướng ra thì có thể che lấp trời xanh và địa ngục tối đen.

30/ Cờ mao, cờ việt.

NHẬT-NHAM

Những người Pháp công-thần nhà Nguyễn

III

Guillaume GUILLOUX

G. GUILLOUX là người ở Vannes quận Morbihan bên nước Pháp, ở tàu *Vengeur* lên Pondichéry ngày 22 Juin 1784, ở lại đấy, đến năm 1789 mới tới đất Gia-định theo phò chúa Nguyễn, được ngài phong cho làm Phó Cai-đội tước Nhuệ-tài hầu, bổ-dụng dưới quyền Vannier và Gérard de l'Isle Selle quản tàu *Donnai* và *Prince de Cochinchine*

Sau này G Guilloux cũng không ở lâu đất Gia-định.

Etienne MALESPINE

Người quê-quán ở đâu, sách-sử không thấy chép. Chỉ biết Etienne MALESPINE là thủy-thủ trên tàu *Pendour* ở Brest ra đi ngày 12 Juin 1787, tới đất Gia-định vào năm 1788. Bấy giờ đức thày Bá-Đa-Lộc sai ông đi île de France để trông-nom chiếu tàu *Capitaine Cook* mà đức-thày đã mua hộ cho chúa Nguyễn. (1)

MAGON DE MÉDINE

Magon de Médine gốc-gác ở đâu cũng không thấy chép. Ở tàu *Pandour* từ Brest ra đi vào ngày 12 Juin 1787, ông theo phò giúp chúa Nguyễn năm sau là 1788, song cũng không ở lâu đất Gia-định.

Dominique DESPERLES

Làm quan thày thuốc về giải-phẫu trên tàu *Pandour* ở Best ra đi ngày 12 Juin 1787 và cũng tới đất Gia-định vào năm 1788, ngoài ra không còn thấy sử sach chép gì nữa.

Emmanuel TARDIVET

Cũng là thủy-thủ trên tàu *Pandour* ở Brest đi ngày 12 Juin 1787 cùng một chuyến với Desperles và cũng cùng lên đất Gia-định theo phò chúa Nguyễn

GIBSON

GIBSON theo phò chúa Nguyễn được phong làm Cai-đội, tước Chất-trực-hầu, quản chiếc tàu nhỏ *Loan-phi* (sắc ngày 13 tháng 10 năm Cảnh-hưng 59 là 20 Octobre 1798), còn thì không thấy đâu nói đến quê quán, sự nghiệp và tới đất Gia-định vào năm nào.

JOANG (Jean)

Joang cũng theo phò chúa Nguyễn lập được nhiều chiến-công, song không thấy sử sách chép đến chức-tước và quê quán. Joang vốn sở trường về chiến-pháp bằng trái phá là *lựu-đạn* (2), nên quân địch mỗi khi gặp thì thường chưa kịp giao-chiến đã phải bỏ chạy.

Sách chép khi đức thầy Bá-Đa-Lộc ở Cao-mên về, tìm được chúa Nguyễn-Ánh cũng đem theo về một người Pha-lang-sa tên là Joang (3) biết võ-nghệ, giàu can đảm và lại có tài đánh giặc.

Joang chế theo lối tây được nhiều trái-phá, rồi cũng theo xuống thuyền chiến đi đánh giặc, tiến đến Long-hồ là nơi Tây-sơn tập-trung nhiều tàu lắm. Chúa Nguyễn Ánh thân-chinh làm tướng cầm quân, thình-lình đem đại binh xông vào thủy-trại quân địch. Joang bấy giờ mới giở lựu-đạn ra đốt và bắn phá, làm cho quân Tây-sơn hoảng-hốt sợ chạy, khi thình-lình nghe trái-phá nổ. Quân địch vì bị đạn nổ, phần chết hại cũng nhiều, phần kinh-khủng nhảy xuống sông chết đuối cũng lắm. Vì xưa nay chưa hề thấy thứ binh-khí lạ-lùng ấy bao giờ, nên họ cho là « có phép ma-quỷ ». Sách chép trận này chúa Nguyễn Ánh làm tướng rất khôn-ngoan và can-đảm vì ngài đánh nhau với bên địch cũng như quân lính, đến khi tan trận quần áo ngài dầm dìa những máu mà không hề có chút thương-tích gì cả. Bao nhiêu những tàu của Tây-sơn ở Long-hồ đều bị quân Nguyễn chiếm hết. Đoạn quân Tây-sơn phải rút lui cả về Quy-nhơn. Sau khi về Sài-côn rồi, Nguyễn-vương ủy cho Joang sắm-sửa binh-khí và đóng tàu chiến theo lối bên Tây.

Ngoài những người nước Pháp, lại còn hai người I-pha-nho nữa là Mánoe (Ma-nô-ê) và Januario (Đa-đô-bi). Mùa hạ năm Canh-tý, 1780, Đỗ-thanh-Nhân phụng mạng đi dẹp tù-trưởng ở Trà-vinh, cũng có cả Ma-nô-ê (Manoe) đi trợ chiến.

Năm Quý-mão, 1783, Manoe và Januario phụng mạng đi Lữ-tống cầu-viện, nhưng ra đến giữa bể gặp binh-thuyền Tây-sơn chặn đường, hai ông đều bị hại cả (5).

Còn hai người nước Pháp công-thần nhà Nguyễn nữa là Victor Olivier (ông tín) và De Forcant (Lê-văn-Lăng) sẽ đăng riêng làm hai bài trong mấy số tới.

(HẾT)

NGUYỄN TRIỆU

(1) *L. E Louvet Mgr d'Adran, p. 534.*

(2) *Bulletin A. V. H. 1917 Les Français au service de Gia long, p. 167.*

(3) *Sử ký Đại nam việt quốc triều, trang 18-19.*

(4) *Còn có tên ta là Phượng nữa.*

(5) *Đại nam chính biên liệt truyện, quyển 28, tờ 9.*

Thân-thế và sự-nghiệp Thống-chế Pétain

ẤY là tên một quyển sách của ông Lạc-quang Bùi-đình-San, do phủ Toàn-quyền mới xuất bản.

Sách in đẹp, trình bầy mỹ-thuật, khảo-cứu công-phu, hiện có bán khắp mọi nơi.

Nội dung sách chia làm hai phần :

1·) Phần thứ nhất nói về thân thế và hành-trạng vị anh - hùng cứu-quốc tại mặt trận Verdun. Tác-giả đã sưu-tầm được nhiều tài-liệu về Thống-chế từ khi xuất-thân tại trường võ-bị Saint-Cyr cho đến khi tung - hoành trên chiến-địa, vào sinh ra tử để cứu quốc-gia khỏi vòng nước sôi, lửa nóng. Rồi gần đây, mẫu quốc không may tai-biến, vị lão-tướng anh-hùng, tuy tuổi già sức mỏi, lại phải một phen xuất đầu lộ diện, ghé vai gánh vác lấy non sông, đem hết tâm-lực để kiến-thiết lại tổ-quốc.

Thân-thế và huân-lao Quốc-trưởng Pháp, dưới ngòi bút linh-động của tac-giả, đã được phô-diễn một cách rõ ràng.

2· Phần thứ hai, tác-giả trích-dịch các châm-ngôn của Thống-chế Pétain, xếp đặt có thứ-tự.

Đương khi quốc-dân ta ao-ước được biết lịch - sử vị anh-hùng Pháp, cuốn « Thân - thế và sự-nghiệp Thống-chế Pétain » ra đời thực rất hợp thời.

Vậy xin vui lòng giới - thiệu cùng độc-giả Tri-Tân.

Nhân việc Chính-phủ đang dự định

một chương - trình thể - thao toàn - quốc...

NGÀY nay không mấy ai không hiểu sự ích lợi về thể-dục.

Trước đây hơn 30 năm, dù ai văn-học tài-giỏi tới mực nào mà có thân hình vạm-vỡ cũng bị liệt vào hạng « vai u thịt bắp, vác nặng ăn no » !

Thời-gian trôi. Quan-niệm ấy nay đã đổi khác.

Vì ở thời-đại « mạnh được yếu thua » này, nếu ta chỉ luyện riêng có khối óc được giỏi-giang, mà thân-thể ta yếu-đuối, thì sau khi thành tài, cũng khó lòng thực-hành được những việc ta đã định làm và muốn làm.

Biết bao thiếu-niên nam-nữ phải mệnh yểu sau ít lâu giật được mảnh bằng cao-cấp !

Những trang anh-tài đó, nếu họ biết chăm-nom bồi-bổ sức khỏe từ sớm, thì *nước ta đâu phải cái nạn* thiếu nhân-tài !

Chính-phủ từ lâu đã hiểu biết chỗ nhầm-lẫn của ta có hại đến nòi-giống như thế, cho nên lần lần đã cho phép thành lập những tổng-cục các nơi để dìu-dắt các hội thể-thao, và năm 1936 đã cho thành lập một phòng thể-thao ở phủ Thống-sứ, cũng không ngoài cái ý định là đưa dân lên đường hùng-tráng.

Năm nay Chính-phủ Đông-dương lại đương hoạt-động tiến-hành theo chương-trình lớn-lao của Quốc-trưởng Pétain : « *chấn-hưng lại nền thể-thao của toàn-quốc* » một cách triệt-để.

Một hạt giống dù tốt đến đâu nếu gieo phải chỗ đất xấu, thì khi mọc thành cây, cũng khó lòng trổ hoa nẩy quả được mỹ mãn ! Giống người cũng vậy. Muốn cho giống-nòi được hùng-cường thì cả hai phái nam nữ cũng đều phải chú-trọng về vấn-đề thể-dục.

Từ trước tới nay, các nữ sinh tuy vẫn tập thể-thao, nhưng không có kết-quả tốt lắm, là vì các thày dạy đều thuộc bên nam-giới,

Hiểu biết chỗ bất-tiện đó, nên ở Phan - Thiết nay, ngoài việc đào-luyện lấy các huấn-luyện-viên nam-giới, Chính-phủ cũng đã cho lập một nhánh lớp để lo đào-tạo những nữ huấn-luyện-viên.

Ngày nay chúng ta cần phải có một tấm thân sắt đá để chịu đựng với tất cả những sự vất-vả, vật lộn ở đời ; phải có những con mắt sáng-suốt để nhìn thấu những sự thiếu-thốn ở xã-hội ta và chung quanh ta ; phải có một trái tim quả-cảm cùng một tâm-hồn mạnh-mẽ để khỏi chùn bước trước những sự khó-khăn, hiểm-nghèo.

Muốn có những đức-tính ấy, chị em, anh em ta phải cùng nhau tiến bước trên đường thể-dục.

Hoa-Nam
PHAN-KỲ-NÔNG

Hàng cơm bình - dân

Bình-dân phạn-điếm,
Một hàng cơm từ-thiện mới khai-trương !
Của thập-phương chung mở ngôi hàng,
Khách lê-hoắc xin vui mừng tiếp đón.
Tịch thượng bất phân bần-phạp hán ;
Cá trung duy hữu Việt - thường nhân.
Sẵn-sàng này phòng khách, lại phòng ăn,
Liễn cơm nóng, bát canh ngon, sạch-sẽ.
Cách sếp-đặt lời này khôn kể
« Ban bình-dân » như thế thực phu-công.
Ai ơi ! thương lấy nhau cùng...

Nguyệt-Hằng

HUYỀN-TRÂN CÔNG-CHÚA

(Truyện lịch-sử bằng thơ)

SỐ 1

NGUYỄN ĐAN-TÂM viết

Giòng Kinh-thủy thả băng một giải,
Dãy Hiệp-sơn mải chạy ven bờ.
Rừng xa nét thẫm đề thơ,
Cánh buồm căng gió lặng lờ cuối sông.
Bến Triều nước mênh-mông sóng vỗ,
Một con thuyền nho-nhỏ nằm im.
Sớm mai sương xuống bóng chim,
Một trời mây nước cánh chim xa vời.
Trông tựa bóng tháp Hời đây đó,
Đứng mấy lò gạch bỏ từ lâu.
Êm êm đường đất vó câu
Nện đều, một bóng lam-bào từ xa.
Lỏng tay khấu, ngẩn-ngơ tuấn mã,
Khách đứng trông sóng cả cồn reo.
Chùa đâu buông tiếng chuông chiều :
Vầng đông hửng sáng nhuộm đao non sông.
Long hửng sáng bùng-bùng lửa cháy,
Mắt đăm đăm trông dãy trường-sơn.
Lòng mơ theo bong Trang-an,
Rưng cờ theo ngọn gió đàn đua bay.
Hồn tráng-sĩ mềm say danh-vọng,
Đem tài-năng đắp móng vinh-quang
Anh-hào tỏ mặt, thi gan,
Cho đời biết mặt, giang-san biết người.

Trí hăng-hái đang sôi sùng-sục
Mà con thuyền vẫn buộc bên sông !
Vòng tay, sang-sảng tiếng đồng
Hô to gọi lái : đò không bóng người.
Võ-trường mở còn hai ngày nữa,
Không lẽ đành bỏ lỡ tương-lai.
Phùng mang lên tiếng hét dài,
Bên sông thuyền vẫn bỏ lơi mái chèo !
Lòng cộn sóng nước trào trôi xiết,
Nước mênh-mang nguộn tiết anh-hùng.
Sầu lây đến cả ngựa hồng,
Chồn chân đập vó, nhạc rung tiếng buồn.

Sông lớp lớp từng nguồn sóng mới,
Giòng thời gian có đợi đâu người !
— Nhất khứ hề bất phục hồi !
Thét vang một tiếng ra roi ngựa hồng.
Con tuấn-mã đạp tung sóng bạc,
Bốn vó phi như bắc cầu qua.
Mắt chàng như bắn lửa ra,
Đem gan đọ với phong-ba một liều.
Đây lần đầu bến Triều được thấy
Ngựa và người vùng-vẫy qua sông.
Khải-hoàn rung tiếng nhạc đồng,
Một đi tráng-sĩ quyết không trở về.
Thề với bến danh ghi bảng hổ,
Cho quê-hương trông tỏ mặt trai.

Con đường đất đỏ chạy dài,
Non xanh trùng-điệp tuyệt vời bóng câu.

Non xanh xanh, sông sâu lặng-lẽ,
Bến đìu-hiu nhớ kẻ giang-hồ.
Lòng sông ngân tiếng chuông chùa,
Mặt sông vắng bóng người xưa vẫy-vùng...
Nước triều xuống, người không thấy lại,
Quên quê-hương người mải công-danh.
Đời ai trong bước phiêu-linh,
Để cô thôn-nữ buồn tênh giọng hò !..

Một chiều muộn, con đò đưa lại
Tìm Khắc-Trung danh nổi kinh-thành,
Chỉ-huy muôn đội hùng binh,
Thiếu-niên danh-tướng, bình-sinh thỏa lòng.
Đâu những buổi chiến-công rực-rỡ,
Đâu những đêm tiệc mở hoa-đăng ?
Nơi đây buồn giãi bóng trăng,
Đo ngang cô lái nhặt khoan mái chèo.
Sớm lại hôm, chuông triều, chuông mộ,
Vang-vẳng buồn tiếng mõ canh canh.
Chùa Tràng lối nhỏ quanh-quanh,
Rêu phong vẽ cảnh thanh-bình muôn thu.

Chợt sớm nay người nô-nức tới,
Tiếng chuông chùa vang dội không-gian.
Mừng reo sang-sảng tiếng vàng,
Có đôi vương-giả thiêu hương trong chùa.
Rằng : đêm qua bãi mờ trăng giải,
Con thuyền rồng bắt lái khoan-khoan ;
Êm-êm giọng sáo, giọng đàn,
Vỗng đào lững-thững, nhạc vàng rung-rung.
Tre vươn ngọn để trông phò-mã
Trần Khắc-Chung tay đỡ Huyền-Trân...

Song-song đôi lứa Châu, Trần,
Võ-trang sánh với giai-nhân tuyệt vời !
Nên sớm nay dân trai đặt lễ,
Cầu : tram năm bong xế bạc đầu.

Bùi-ngùi nghĩ chuyện xưa sau,
Bàn tay định-mệnh dễ hầu đổi thay !
Trong tâm cảnh nào ai có rõ,
Bước hai-họ may áp lênh-đênh ?
Một mình mình biết cho mình,
Lên đài cao, ngắm mông-mênh nước trời.

Chôn phật-đài lệ rơi thánh-thót,
Công-chúa buồn khóc cuộc hưng-vong.
Hạt mưa sa cõi bụi hồng,
Vào nơi quyền-quí thâm-cung làm gì !

Sao chẳng mãi trong thì thơ-ấu,
Nào phụ-hoàng, mẫu-hậu nâng-niu.
Cành vàng, lá ngọc chăm-chiều,
Gió phong đã biết thương yêu là gì !

Vui xe loan, chiều kia quá bước
Đến dâng hoa Trấn-quốc Lăng-hồ.
Trời êm như một trời mơ,
Hồ êm như tấm gương mờ mênh-mang...
Bỗng vẳng tiếng nhạc vàng đâu tới,
Bóng ngựa hồng lướt dưới ngàn cây.
Trời hồng như một trời say,
Người dừng vó ngựa, vòng tay nghiêng chào.
Đường-đường khách phong-lưu mã-thượng,
Trông võ-trang mà dáng văn-nhân,
Để lòng công-chúa băn-khoăn,
Màn đào vội bỏ, xe loan vội dời...
Trời phật có chiều người chăng nhẽ,
Mộng trăm năm đợi kẻ anh-hùng...
Lòng ơi có biết cho lòng,
Hoàng-hôn thu nhuộm rừng phong úa vàng !
Trên gác phượng cầm trăng hờ-hững,
Xuống lại lên lững-thững huê - viên.
Bâng-khuâng lần gót hài - văn,
Ngâm câu khuê-oán, cung nhân khác nào !

Biết đâu kẻ chân lầu thơ - thẩn,
Trông hoa leo quanh - quẩn lầu trang.
Thâm-khuê cửa đóng mấy tầng,
Thở dài : gang tấc quan-san mịt-mùng !
Rậu tầm-xuân nở hồng, ai khéo
Bắc giây hoa uốn-éo song lầu.
Tình yêu so với thành cao,
Chẳng như hoa được lọt vào buồng hương !
Trong trướng gấm tơ vương nhiều nỗi,
Ngoài đại-doanh khắc-khoải anh-hùng.
Chút chi đeo đẳng ma hồng,
Bây lâu nên tiếng võ-công danh-thần,
Hà chẳng vị giai-nhân tuyệt thế,
Cái danh hờ chẳng kể mai sau.
Hỏi người kim-khuyết ngọc-lâu,
Đài gương biết có treo cao gió vàng ?

Tay Nguyệt-lão phũ-phàng chi hỡi,
Chưa se tơ đã vội chia duyên !
Đơn ai thức giấc sầu miên,
Vầng tri-âm tưởng mấy phen đập đờn.

Tin đâu đến bình tan, gương vỡ,
Thuở trăng rằm, hoa nở, ai xui !..
Trăng tròn, hoa giữa thời tươi,
Giữa mùa xuân thắm, đầy trời gió mưa.
Mảnh hoa-tiên tâm-thơ chứa chép,
Tờ hôn-thư sứ-điệp ai mang ?
Ngan-trung khe-khắt Chế-Mân
Đem châu Ô, Lý ma dàng dưới thềm !
Đất Nam-Việt lặng êm bơ-cõi,
Lũ dân Hời định nổi phong ba.
— Đôi giang-sơn lay đan ba,
Trách người ở chốn non xa chi tình ! (1)

NGUYỄN ĐAN-TÂM
(Còn nữa)

(1) Thiên «Huyền-Trân công-chúa» này là một truyện lịch-sử bằng thơ, chứ không phải là «kịch» như trước đã rao.

Táp trở

Cuộc tuyển-cử rất ngộ-nghỉnh của dân Druses

DÂN Druses ở miền sơn cước xứ Syrie (thuộc Pháp), nhất là những người ở về vùng Soueidah, thật cổ lỗ nhất hoàn-cầu. Trải bao thế-kỷ tới nay, họ vẫn giữ đúng các tục lệ mà tự nghìn xưa tổ tiên họ đã đặt ra.

Dân Druses chia làm hai phái chính làm đàn anh trong xứ là phái: chiến sĩ (fahils) và phái kỳ cựu (akils).

Người thường dân muốn sụng vào phái « chiến sĩ » thì phải có đủ chứng cớ về tài năng và can đảm mới được.

Còn muốn vào phái kỳ cựu thì trước hết phải do hội đồng các vị kỳ cựu nhận xét đã: khi có đủ điều kiện để dự mới được ứng thi.

Khi hội đồng đã công nhận là thí sinh có đủ điều kiện rồi thì thí sinh phải qua ba kỳ thi rất khó khăn và rất ngộ nghỉnh.

Bắt đầu kỳ đệ nhất, thí sinh phải .. nhịn đói ba ngày và hai đêm ròng rã, nghĩa là không được ăn, không được uống và không được... hút.

Sang đến đêm thứ ba, thí sinh vẫn phải nhịn đói để dự một bữa tiệc cực kỳ long trọng, có họp đủ các vị Akils chính thức. Người ta bày trước mặt thí sinh những món ăn ngon lành, mùi thơm ngào ngạt. Hội đồng giám khảo bắt thí sinh phải bưng các món ăn ấy, phải ngửi, phải hít, nhưng không được... ăn hay... nếm!

Trong lúc ấy, hội đồng giám-khảo cứ việc đánh chén.

Thí-sinh phải ngồi nhìn mâm tiệc linh-đình ấy xuốt một đêm. Nếu không nén nổi lòng, không kìm nổi cái dạ dầy đang nổi cách-mệnh trong toàn-thân, nghĩa là không thèm « chịu » nhịn đói nữa, thì thí-sinh sẽ trượt, không còn được nhận vào làng « Kỳ-cựu » nữa.

Nếu thí-sinh may thắng được cuộc tổng phản-công trong người, thì sáng hôm sau, hội-đồng cho phép thí-sinh được về nhà, ăn uống tha-hồ trong ba ngày cho lại sức, để còn vào kỳ đệ-nhị.

Kỳ này, thí-sinh phải cưỡi ngựa, phóng nước đại trong ba ngày nữa, qua bãi sa-mạc nóng như rang người mà không được... uống nước.

Hết ngày thứ ba, thí sinh được đi đến trước hội-đồng giám-khảo đang chờ đón ở trong bóng râm mà ở đấy có bày la-liệt những quả chín hoa thơm, những bình nước lọc thật tinh-khiết.

Người thí-sinh, môi đã khô, cổ đã ráo, lưỡi đã se lại vì khát, khắn người nóng như lửa bừng, lại phải cầm một cái bình đầy nước mát lạnh, nhưng không được phép uống. Còn phải ngồi mà nhìn những đồ nước trong-trẻo và sạch-sẽ ấy trọn một đêm nữa.

Nếu thí-sinh có gan dạ chịu đựng được sự khát ấy thì, sáng hôm sau, mới được dự vào kỳ đệ tam.

Ở kỳ đệ-tam này, thí-sinh bắt-buộc phải ăn những miếng thật mặn chát có rắc thêm hạt-tiêu Rồi đầy trong 12 tiếng đồng hồ sau khi ăn, không được đụng chạm đến các bình nước để quanh mình.

Thắng được kỳ đệ tam này, thí-sinh liền được tuyển vào phái « kỳ cựu ».

Lúc đó của thí-sinh mới đầy-dẫy vinh quang vì được mọi người bái-phục và bắt đầu được hưởng những ngày tươi-sáng trong đời cao quý của mình.

NAM-ANH

CÁC SÁCH NÊN ĐỌC

Tiếng Việt-Nam có mẹo mực, rất tinh tường, ai muốn biết rõ, thì xem sách: VIỆT-NAM VĂN-PHẠM của ông Trần-trọng-Kim (1).

Muốn biết rõ cách thờ cúng chư Phật và chư Bồ-tát, cùng cách bày đặt các tượng ở các chùa xứ Bắc-kỳ, nên đọc quyển PHẬT-LỤC của ông Trần-trọng-Kim. Giá 0p 80.

de Hanoi à la Courtine
(Septembre 1939 — Jain 1940)
của Phạm-duy-Khiêm Giá 1p.50
Bán ở nhà in « Du Nord » 133 phố Hàng-bông Hanoi và các nhà bán sách.

(1) Bản dịch ra chữ Pháp 3p.50 — Bản quốc âm 2p 50.

Học chữ Hán không cần thầy không gì bằng

học trong bộ

HÁN VĂN TÂN GIÁO KHOA THƯ'

漢文新教科書

soạn giả: LÊ-THƯỚC

Giải nguyên, giáo sư bậc thành-chung

Trọn bộ 5 quyển — Giá 1p.60 — Cước 0p 38

Để cho: hiệu sách Đông-Tây, 195 hàng bông — Hanoi

Đặt mua ngay từ giờ *Sách của quốc-học thư-xã*

TẦM NGUYÊN TỪ-ĐIỂN

Tinh-hoa ngót 100 bộ kinh, Chuyện, Sử, Tử, nhiều tài-liệu, điển-cổ, cần-thiết cho sự hiểu biết Quốc-văn và văn-chương Việt-hán, một bộ từ-điển phong-thú chưa từng có trong văn-khố Việt-nam, dầy 400 trang, có chua chữ Hán

giá : 2p.80

Giấy bouffant bảo hạng 3p.80 — Giấy bouffant bìa vải chữ vàng 5p.00 (Loại sách quý đẹp này có đánh số và có chữ ký cùng lời đề-tặng của tác-giả, dành riêng cho các bạn đặt mua trả tiền trước, các hiệu sách không bán.

BÁN GẦN HẾT

QUỐC-SỬ ĐÍNH-NGOA *Giá* 0p.50

NGƯỜI LỊCH THIỆP *Giá* 0p.65

Hai cuốn này được báo-giới trong nước nhiệt liệt hoan-nghênh, nên chỉ còn một số rất ít.

Thư và mandat mua sách gửi cho
M. LÊ-VĂN-HÒE
Giám đốc QUỐC-HỌC THƯ-XÃ
16 bis, rue Tien Tsin — Hanoi

ĐỀ GÓP VUI

Với các bạn đọc thân-yêu trong dịp tân xuân Nhâm-ngọ (1942) Tri-Tân sẽ dự bị ra một số đặc-san, có đủ

Màu-sắc
Hình-ảnh
Hương-vị

của văn-chương ; lại gồm cả

Chân
Thiện
Mỹ

Trong nghệ thuật

Khi xuân đến các gia đình việt-nam ta nhà nào cũng nên có một tác-phẩm rất công phu, tức tập « Xuân Nhâm-Ngọ » ấy để dưỡng tinh - thần trong khi bông đào đưa thắm, thủy - tiên thoảng hương và khói trầm nhẹ - nhàng mờ tỏa.

THOÁI-NHIỆT-TÁN HỒNG-KHÊ

Cảm, sốt, nhức đầu, đau sương đau mình, trẻ con người lớn chỉ uống một gói Thoái-Nhiệt-Tán hiệu Phật 12 ngày giá 0p.10, 5 phút ra mồ hôi khỏi hẳn.

THUỐC KHÍ HƯ

Các bà bị bệnh ra khí hư (sích bệch đái hạ) uống đủ các thứ thuốc không khỏi, chỉ dùng một hộp thuốc khí hư Hồng-Khê số 60 giá 1p.00 uống trong và một hộp thuốc Ninh-Khôn Hoàn Hồng-Khê giá 1p.50 đổ vào cửa mình là khỏi rứt. Trăm người chữa theo cách này khỏi cả trăm.

ĐIỀU KINH DƯỠNG HUYẾT

Các bà các cô kinh không đều máu sấu uống thuốc Điều kinh dưỡng huyết Hồng-Khê (0p.50 một hộp) kinh đều huyết tốt ngay.

THUỐC « CAI HỒNG-KHÊ »

Không chộn lẫn chất thuốc phiện (nhà đoan đã phân chất), nên ai ai cũng có thể bỏ hẳn được mỗi ngày hút một đồng bạc thuốc phiện, chỉ uống hết 0p.20 thuốc cai là đủ vẫn đi làm việc như thường, thuốc viên 0p.50 một hộp, thuốc nước 1p.00 một chai.

THUỐC PHONG TÌNH HỒNG-KHÊ

Giấy thép buộc ngang giời. Thuốc Hồng-Khê chữa người lẳng lơ ! Hai câu sấm này, ngày nay quả thấy ứng nghiệm, vì ai bị lậu không cứ mới hay kinh-niên uống thuốc lậu Hồng-Khê số 30, mỗi hộp 0p.60 cũng rứt nọc, ai bị bệnh giang mai không cứ về thời kỳ thứ mấy, mới hay đã nhập cốt rồi, uống thuốc giang mai số 14 cũng khỏi rứt nọc một cách êm đềm không hại sinh dục, nên khắp nơi đâu đâu cũng biết tiếng.

NHÀ THUỐC HỒNG-KHÊ

Tổng cục : 75 Phố Hàng Bồ. *Chi nhánh* 88 Phố Huế Hanoi và đại-lý các nơi.
Có biếu sách GIA-ĐÌNH Y-DƯỢC và HOA-NGUYỆT CẨM-NANG để phòng thân và trị bệnh

Imp. spéciale du Tri-Tân Administrateur-gérant: Dương-Tu-Quái